

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

GELEX

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2017

Hà Nội, tháng 04 năm 2018



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	2
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:.....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5. Định hướng phát triển	10
6. Các rủi ro	12
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	16
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
2. Tổ chức và nhân sự.....	19
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	23
4. Tình hình tài chính	25
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	26
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty	29
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	29
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	29
2. Tình hình tài chính	30
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	31
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	31
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	31
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ...	31
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty	31
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	32
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	32
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	33
1. Hội đồng quản trị.....	33
2. Ban Kiểm soát	39
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	42
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	45
1. Tổ chức kiểm toán.....	45
2. Ý kiến kiểm toán và báo cáo tài chính	46

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
Năm 2017

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100512
- Vốn điều lệ: 2.668.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.668.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 024 39726245/6
- Số fax: 024 39726282
- Website: www.gelex.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): GEX

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện (nay là Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam) được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương).

Ngày 31 tháng 5 năm 2006, Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo quyết định số 127/2006/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, Tổng công ty – tức công ty mẹ được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện và Văn phòng Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện.

Thực hiện phương án cổ phần hóa đã được Chính phủ phê duyệt, ngày 27 tháng 09 năm 2010 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với giá đấu thành công bình quân là 10.502 đồng/cổ phần.

Ngày 01 tháng 12 năm 2010, Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam chính thức chuyển đổi thành Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn

điều lệ là 1.400.000.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm tỷ đồng). Nhà nước nắm giữ 87,17% vốn điều lệ. Đại diện sở hữu của Nhà nước tại Tổng công ty là Bộ Công Thương.

Ngày 06/08/2015, Tổng công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 1.400 tỷ đồng lên 1.550 tỷ đồng cho cổ đông chiến lược – Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt.

Tháng 10 năm 2015, cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức được giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán UpCom – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Ngày 25 tháng 12 năm 2015, Bộ Công Thương thoái toàn bộ 100% vốn đầu tư tại Tổng công ty.

Năm 2016, thực hiện tái cấu trúc Tổng công ty, thành lập Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Đo điện vận hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị đo điện hiện nay của Tổng công ty.

Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực năng lượng trên cơ sở thành lập Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Gelex.

Năm 2017, GELEX phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 1.550 tỷ đồng lên 2.320 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, ngày báo cáo UBCKNN và ngày UBCKNN chấp thuận báo cáo 23/01/2017 (Thay đổi đăng ký doanh nghiệp ngày 21/02/2017)

Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sang lĩnh vực logistics trên cơ sở mua thành công 54,78% cổ phần của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam (Sotrans)

Ngày 17/07/2017 Phát hành thành công cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 100:15, vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất đợt phát hành là 2.668 tỷ đồng

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh

a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220V;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220 KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

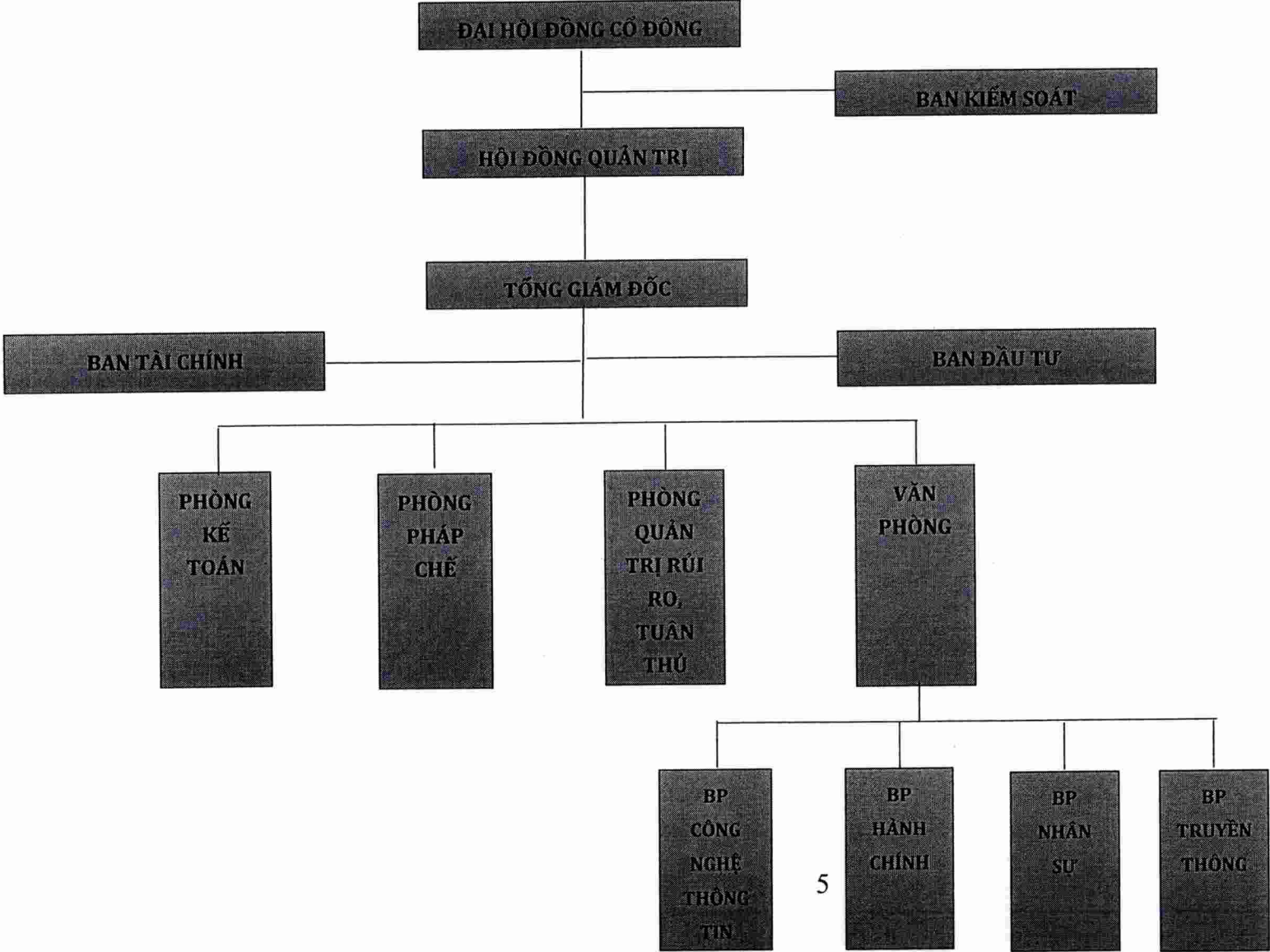
b) Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các Công ty con, công ty liên kết.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi là GELEX) có địa bàn hoạt động kinh doanh rộng khắp cả nước từ Bắc vào Nam, ngoài ra GELEX còn thực hiện xuất khẩu sang các nước trong khu vực như Cambodia, Lào, ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



Nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh và quản lý của một tập đoàn, đồng thời tuân thủ đúng các quy định đối với quản trị công ty đại chúng, cơ cấu tổ chức quản lý của GELEX được xây dựng bao gồm một số bộ phận chính như sau:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của GELEX, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Pháp luật và Điều lệ GELEX quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của GELEX, có toàn quyền nhân danh GELEX để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của GELEX, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của GELEX theo quy định. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông được Pháp luật và Điều lệ GELEX quy định. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của GELEX, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Ban Tài chính

Ban Tài chính thực hiện chức năng tham mưu, triển khai các vấn đề liên quan đến tài chính của GELEX và các công ty con, bao gồm:

- Xây dựng chính sách quản lý tài chính và hệ thống kiểm soát hoạt động tài chính của GELEX và các công ty con;
- Xây dựng hệ thống thu thập thông tin, lập báo cáo về tài chính, báo cáo quản trị của công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết phục vụ công tác quản lý, điều hành của GELEX đối với các công ty con, công ty liên kết;
- Thực hiện hoạt động đầu tư tài chính;
- Thực hiện hoạt động huy động vốn;

Ban Đầu tư

Ban Đầu tư thực hiện chức năng tham mưu trong lĩnh vực đầu tư chiến lược dài hạn của

GELEX; phối hợp, hỗ trợ các công ty con trong lĩnh vực đầu tư chiến lược dài hạn; đồng thời tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các hoạt động liên quan đến dự án của GELEX (do GELEX hoặc các công ty thành viên của GELEX triển khai).

Phòng kế toán

Phòng Kế toán thực hiện chức năng tham mưu, triển khai các vấn đề liên quan đến quản trị hệ thống kế toán của GELEX và các công ty con, thực hiện công tác hạch toán, kế toán, lập báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của GELEX

Phòng quản trị rủi ro, tuân thủ

Phòng Kiểm soát rủi ro và tuân thủ có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc nhằm dự báo, phát hiện, ngăn ngừa và chống rủi ro gắn liền với tất cả các hoạt động của GELEX và các Công ty con.

Phòng Kiểm soát rủi ro và tuân thủ có các nhiệm vụ chính sau đây:

- Tham mưu đề xuất các biện pháp quản trị rủi ro trong các hoạt động quản lý điều hành tại Gelex và các công ty con, công ty liên kết
- Thực hiện kiểm tra đánh giá tính tuân thủ, trung thực, đúng đắn trong công tác quản lý điều hành các hoạt động trong Gelex và các công ty con, công ty liên kết
- Hỗ trợ việc xây dựng các công cụ quản lý nghiệp vụ đối với các hoạt động của các bộ phận trong GELEX và các công ty con, công ty liên kết

Phòng Pháp chế

Phòng Pháp chế có chức năng tư vấn pháp luật cho Tổng Giám đốc và kiểm soát rủi ro pháp lý trong hoạt động của Gelex và các Công ty con.

Nhiệm vụ chính của Phòng Pháp chế:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chỉ đạo, quản lý và kinh doanh của Gelex trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Gelex.
- Đầu mối xử lý khiếu nại khiếu kiện, hướng dẫn giải quyết tranh chấp pháp lý trên toàn hệ thống.
- Phát hiện và cảnh báo rủi ro pháp lý (nếu có) và các chức năng nhiệm vụ khác

Văn phòng

Văn phòng bao gồm các bộ phận nghiệp vụ hỗ trợ, gồm: Công nghệ thông tin, hành chính, nhân sự, truyền thông

Bộ phận công nghệ thông tin

Bộ phận Công nghệ thông tin (CNTT) có chức năng tham mưu đề xuất xây dựng hệ thống

quản trị doanh nghiệp ứng dụng CNTT cho GELEX và các công ty con, chủ trì phối hợp với các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

Bộ phận Hành chính

Bộ phận Hành chính có chức năng là đầu mối thu thập thông tin, xử lý thông tin, thực hiện đảm bảo công tác hậu cần, cơ sở vật chất nhằm hỗ trợ cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác quản lý điều hành.

Bộ phận Nhân sự

Bộ phận Nhân sự có chức năng tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bố trí nhân sự, công tác tiền lương, thưởng, các chế độ phúc lợi và các chế độ chính sách đối với Người lao động.

Bộ phận Truyền thông

Bộ phận Truyền thông có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác truyền thông và quan hệ đối ngoại, quản trị thương hiệu, truyền thông nội bộ của GELEX và các công ty con.

4.2. Các công ty con, công ty liên doanh liên kết

Tính đến ngày 31/12/2017, Tổng công ty sở hữu trực tiếp 10 công ty con và 01 công ty liên kết

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Loại hình
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”)	576.000.000.000	79,76%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện	Công ty con
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”)	368.000.000.000	65,88%	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện	Công ty con
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (“Năng lượng GELEX”)	1.400.000.000.000	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng	Công ty con

4	Công ty TNHH GELEX Campuchia (“GELEX Campuchia”)	25.000 USD	100%	Số 4B Đường 564, Phnom Penh, Campuchia	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”)	488.000.000.000	70,79%	Đường số 09, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	Công ty con
6	Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Đo Điện (“EMIC”)	368.000.000.000	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất thiết bị đo điện	Công ty con
7	Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam (“K.I.P Việt Nam”) [trước đây là Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I]	56.800.000.000	72,40%	Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện dân dụng và công nghiệp	Công ty con
8	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Sotrans”)	854.378.790.000	54,78%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Công ty con
9	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari (“VIHEM”)	110.000.000.000	65,37%	Tổ 24, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện	Công ty con
10	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land (“GELEX Land”)	50.000.000.000	100,00 %	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	Công ty con
11	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	8.000.000 USD	36,35%	KCN Biên Hòa 1 - Đường số 9-P.An Bình - TP Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc	Công ty liên kết

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Tập trung nguồn lực, giữ vững sự ổn định trong sản xuất các sản phẩm truyền thống và các lĩnh vực mới đã mở rộng. Tăng cường năng lực quản lý; tiến hành theo hướng chuyên nghiệp. Tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ;

- Tập trung bám sát tình hình thị trường và các đối thủ cạnh tranh để có chính sách kinh doanh, chiến lược thị trường hợp lý. Tiếp tục duy trì và phát triển thị phần trong nước từng bước mở rộng thị trường trong nước, các nước trong khu vực và trên thế giới;

- Chú trọng công tác nghiên cứu, chế tạo các sản phẩm mới với hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao. Tăng cường hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết với các đối tác trong nước và ngoài nước nhằm đa dạng hóa sản phẩm, ngành hàng, hình thành bộ sản phẩm tổng thể hoàn chỉnh cung cấp cho khách hàng;

- Dành nguồn lực phát triển thương hiệu GELEX của Tổng công ty trở thành thương hiệu mạnh quốc gia ngang tầm quốc tế. Xây dựng chính sách truyền thông phù hợp với đặc thù ngành hàng, đối tượng tiêu dùng, chú trọng tính hiệu quả của truyền thông, quảng cáo.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tái cấu trúc GELEX theo 3 lĩnh vực chính là: (1) Công nghiệp gồm ngành thiết bị điện và nhóm ngành công nghiệp khác; (2) Hạ tầng gồm ngành logistic, năng lượng và nước sạch; (3) Bất động sản.

Đối với lĩnh vực công nghiệp:

Lĩnh vực công nghiệp mà trọng tâm là sản xuất kinh doanh thiết bị điện là mảng kinh doanh truyền thống của GELEX. Thiết bị điện công nghiệp và dân dụng được hoạch định tiếp tục là lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính và nòng cốt của GELEX. GELEX tiếp tục khai thác và phát triển các dòng sản phẩm chủ đạo: Dây cáp điện CADIVI; Máy biến áp THIBIDI, HEM; công tơ điện tử, thiết bị đo điện GELEX-EMIC; động cơ điện, máy phát điện HEM, VIHEM. Một số định hướng chính trong lĩnh vực này như sau:

- Hình thành đơn vị đầu mối trong lĩnh vực thiết bị điện, quản lý tập trung tất cả các doanh nghiệp thiết bị điện trong Tổng Công ty nhằm tối ưu hóa công tác quản lý và phát huy thế mạnh cộng lực giữa các đơn vị thành viên;
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu công nghệ và sản phẩm mới, thúc đẩy hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, EU để nhận chuyển giao công nghệ, bản quyền sản phẩm

hướng tới tạo ra các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường;

- Đẩy mạnh phát triển thị trường EVN, đấu thầu và xuất khẩu song song với việc củng cố và đẩy mạnh hệ thống phân phối qua đại lý hiện nay;
- Tối ưu hóa quá trình sản xuất để giảm giá thành sản phẩm, chuỗi cung ứng;
- Sắp xếp lại một số mảng sản xuất trong lĩnh vực thiết bị điện, theo đó HEM sẽ sản xuất máy biếp áp theo tiêu chuẩn và thương hiệu THIBIDI; HEM và VIHEM sẽ tập trung sản xuất sản phẩm động cơ điện và dịch vụ sửa chữa, thực hiện sắp xếp lại sản xuất giữa HEM và VIHEM theo hướng chuyên môn hóa sản xuất các dòng sản phẩm nhằm có hiệu quả sản xuất tối ưu;
- Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái thiết bị điện GELEX, phát triển các sản phẩm mới để hoàn thiện bộ sản phẩm thiết bị điện đồng bộ, hướng tới tham gia thị trường cung cấp giải pháp tổng thể về thiết bị điện cho khách hàng.

Đối với lĩnh vực Hạ tầng

Nhóm lĩnh vực hạ tầng của GELEX bao gồm logistic, năng lượng và nước sạch. Đây là 3 lĩnh vực được đánh giá rất tiềm năng tại Việt Nam hiện nay.

❖ Logistic

- SOTRANS là đầu mối và thương hiệu chính trong hoạt động kinh doanh logistics của Tổng Công ty. Phát triển SOTRANS thành doanh nghiệp với chuỗi logistics khép kín, đủ các dịch vụ như dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải, lưu kho, lưu bãi, cảng biển, cảng hàng không...
- Đầu tư trọng điểm để hình thành hệ thống tài sản kho bãi, cầu cảng, ICD tại các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước đặc biệt là 2 vùng sản xuất lớn là khu vực Hà Nội – Hải Phòng và TP Hồ Chí Minh – Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Đối với lĩnh vực vận tải, tập trung vào vận tải đường thủy nội địa, phát triển đội xà lan mạnh và giữ vững thế mạnh trong lĩnh vực vận tải siêu trường, siêu trọng;
- Hướng tới mục tiêu lọt vào top 3 doanh nghiệp logistics lớn nhất Việt Nam.

❖ Lĩnh vực năng lượng - sản xuất điện

- Tiếp tục thực hiện các dự án nguồn phát đang thực hiện của Tổng Công ty, đảm bảo thực hiện dự án đúng tiến độ, hiệu quả, tiết kiệm;
- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào lĩnh vực nguồn phát điện theo chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua, tập trung vào thủy điện, năng lượng tái tạo như điện gió, năng lượng mặt trời.

❖ *Lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch*

- Tập trung nỗ lực thực hiện Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn 2, đảm bảo cung cấp nước sạch cho nhân dân Thủ đô và nâng quy mô, công suất từ đó nâng sản lượng, doanh thu của toàn dự án;
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư tiềm năng, phù hợp trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch, trước hết ưu tiên tại các địa bàn có đông dân cư, nhu cầu tiêu thụ nước sạch lớn.

Đối với lĩnh vực Bất động sản

- Đánh giá lại toàn bộ quỹ đất GELEX và các đơn vị thành viên đang sở hữu, xây dựng phương án khai thác hiệu quả bao gồm việc xác định loại hình phát triển, hình thức phát triển dự án. Nguồn vốn phát triển các dự án bất động sản lấy từ chính lợi thế về vị trí đặc địa của các bất động sản và việc bán các dự án. GELEX không dùng nguồn tiền của mình để phát triển bất động sản.;
- Tối ưu hóa hệ thống kho bãi, nhà xưởng cho các đơn vị thành viên.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty

GELEX sẽ là một doanh nghiệp có trách nhiệm đối với các hoạt động xã hội. Bên cạnh việc thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng thuế cho Nhà nước, GELEX còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội như công tác đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ vùng bị thiên tai, công tác từ thiện vì người nghèo, các hoạt động bảo vệ môi trường ...

6. Các rủi ro

Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam bao gồm 10 Công ty con và 1 công ty liên kết, hoạt động trong các lĩnh vực: Sản xuất công nghiệp - Đầu tư hạ tầng - Logistics - Kinh doanh bất động sản – và Đầu tư. Do đó, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có khả năng đối mặt với những rủi ro sau:

6.1 Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế

GELEX là một doanh nghiệp hoạt động dưới mô hình tập đoàn trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, hạ tầng và bất động sản nên các yếu tố kinh tế vĩ mô luôn có những ảnh hưởng

trực tiếp và mạnh mẽ tới quá trình phát triển của Tổng Công ty.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, GELEX đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế và lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Tổng Công ty còn thực hiện tiết kiệm chi phí một cách triệt để nhằm gia tăng biên lợi nhuận trong lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty.

Lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Để hạn chế thấp nhất rủi ro về lãi suất, Tổng Công ty đã có sự chủ động lên kế hoạch về nguồn vốn phục vụ các hoạt động kinh doanh, điều chỉnh kỳ hạn các khoản vay phù hợp với kỳ hạn đầu tư hoặc vòng quay hoạt động, thiết lập quan hệ với các ngân hàng nhằm đàm phán các giải pháp tổng thể với chi phí hợp lý nhất.

6.2 Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của việc thay đổi hệ thống pháp luật, và/hoặc các văn bản pháp luật đến các hoạt động kinh doanh của công ty, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Tổng Công ty là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình tổng công ty cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Tổng Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật khác có liên quan. Vì vậy, những thay đổi của các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Tổng Công ty liên tục cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật điều chỉnh/liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Đồng thời, Tổng Công ty cũng thực hiện xây dựng và duy trì áp dụng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật.

6.3 Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về cạnh tranh

Năm 2017 và những năm sắp tới là thời kỳ Việt Nam phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước, đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước trong đó có GELEX phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của quá trình hội nhập cả về chất lượng và giá bán, cạnh tranh công bằng và cả cạnh tranh chưa công bằng, cạnh tranh với hàng nội địa và cả hàng hóa nhập từ Trung Quốc và nước ngoài.

Đối với lĩnh vực công nghiệp, với đặc thù của sản phẩm kỹ thuật cao, công nghệ liên tục phát triển đòi hỏi nhà sản xuất phải hết sức nhanh nhạy và linh hoạt, chủ động, cập nhật thông tin, kịp thời thay đổi thiết kế, tính năng sản phẩm phù hợp.

Đối với lĩnh vực hạ tầng (cung cấp điện và nước), việc cạnh tranh trong lĩnh vực này tương đối gay gắt, tuy nhiên với các hợp đồng tiêu thụ đã được ký kết với các khách hàng lớn đã giúp đảm bảo cho sự ổn định trong hoạt động của lĩnh vực này.

Đối với lĩnh vực logistics, việc các công ty nước ngoài được tham gia vào lĩnh vực logistics khiến cạnh tranh ngày một gay gắt, nhưng cũng là cơ sở để các công ty trong nước nâng cao chất lượng dịch vụ. Riêng đối với các công ty con hoạt động trong lĩnh vực logistics của Gelex có lợi thế về mặt bằng kho bãi ở các vị trí thuận tiện. Đây là lợi thế cạnh tranh mà các công ty nước ngoài không thể có tại thị trường Việt Nam.

Đối với lĩnh vực bất động sản, Gelex Land chỉ tập trung khai thác các bất động sản sẵn có, chuyển đổi các quỹ đất hiện có của các công ty trong Tập đoàn nhằm tạo ra các tài sản mang lại dòng tiền ổn định. Tuy nhiên, các yếu tố rủi ro hệ thống vẫn khó tránh như:

- Thay đổi bất lợi về tình hình chính trị hoặc kinh tế
- Ảnh hưởng mang tính chu kỳ của các điều kiện kinh tế thị trường (quan hệ cung cầu trong lĩnh vực bất động sản)
- Các thay đổi của thị trường vốn có thể gây khó khăn cho việc tìm nguồn vốn tài trợ cho việc phát triển các dự án bất động sản
- Thay đổi về giá dịch vụ (bao gồm giá cho thuê bất động sản) trên thị trường
- Cạnh tranh giữa các chủ đầu tư bất động sản về khách thuê

Để hạn chế các rủi ro này, GELEX chủ động tìm hiểu rõ nhu cầu của thị trường bất động sản, để đưa ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường, chuẩn bị kỹ về các nguồn vốn phát triển dự án, đảm bảo đưa ra dự án có lợi nhất.

Đối với lĩnh vực đầu tư, việc tìm kiếm được cơ hội đầu tư phù hợp với chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty không dễ dàng. Đồng thời môi trường pháp lý và các điều kiện

kinh tế vĩ mô của Việt Nam cũng thường xuyên thay đổi gây nhiều rủi ro cho các hoạt động đầu tư..

Rủi ro về yếu tố đầu vào

Đối với lĩnh vực công nghiệp, các loại vật liệu chính là đồng, tôn tấm, thép, ... Nguồn nguyên vật liệu sử dụng được mua từ các công ty cung ứng trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thực tế, những năm qua, giá các loại nguyên vật liệu này tại thị trường trong nước và thế giới biến động phức tạp gây ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty cũng như các đơn vị thành viên.

Để đối phó với vấn đề này Tổng Công ty đã luôn tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý chặt chẽ kế hoạch mua sắm vật tư gắn liền với quản lý định mức sản xuất, tổ chức mua sắm vật tư tập trung tại Tổng Công ty nhằm tận dụng lợi thế về mặt nguồn vốn, đàm phán thương mại, từ đó giảm thiểu các rủi ro liên quan đến biến động giá nguyên vật liệu.

Đối với lĩnh vực hạ tầng (cung cấp điện và nước), một trong những lĩnh vực đầu tư trọng tâm của GELEX là đầu tư vào thủy điện. Lĩnh vực thủy điện luôn chịu ảnh hưởng của thời tiết, điều kiện tự nhiên. Việc thời tiết khô hạn sẽ ảnh hưởng đến công suất phát điện của nhà máy nhưng lại thuận lợi cho việc xây dựng dự án. Để giảm thiểu rủi ro về biến đổi thời tiết, các nhà máy thủy điện của Tổng Công ty chủ động thực hiện kế hoạch tích nước và xả nước phù hợp trong hồ chứa để đảm bảo duy trì phát điện trong mùa khô.

Đối với lĩnh vực logistics, các công ty con phải đối mặt với các rủi ro về thay đổi nhiên liệu đầu vào. Trong thời gian gần đây, giá nhiên liệu đầu vào liên tục giảm – là điều kiện thuận lợi cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực logistics. Tuy nhiên, các công ty con luôn phải chủ động tích trữ nhiên liệu để đảm bảo hoạt động liên tục của công ty và không bị động trong trường hợp nhiên liệu tăng giá.

Bên cạnh đó, rủi ro về sự biến động giá đất cũng ảnh hưởng rất lớn tới dịch vụ kho bãi của các công ty con. Để giảm thiểu rủi ro về biến động giá đất, Tổng công ty đã xây dựng kế hoạch cụ thể về quy hoạch và phát triển kho bãi từ nguồn các khu đất, nhà xưởng, kho bãi của các đơn vị thành viên thành các dự án bất động sản hoặc các dự án kho bãi có giá trị khai thác cao hơn.

Đối với lĩnh vực bất động sản, các yếu tố nguyên liệu đầu vào bao gồm gạch ngói xi măng sắt thép... Để hạn chế rủi ro biến động về giá của các nguyên vật liệu này, Tổng Công ty sẽ chủ động duy trì việc đặt hàng hợp lý theo tiến độ dự án để đảm bảo kế hoạch thi công.

Lĩnh vực bất động sản của Tổng công ty chịu ảnh hưởng lớn từ chính sách Thuế chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng công ty chủ động đẩy nhanh quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý các dự án bất động sản công nghiệp và thương mại tại các đơn vị thành viên

6.4 Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu GELEX niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp Tổng Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các cổ đông có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển và chuẩn mực hóa quản trị Tổng Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu GELEX sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Tổng Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Tổng Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

6.5. Rủi ro môi trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, rủi ro do tác động xấu của môi trường,... Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Tổng Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Tổng Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, năm 2017 vừa qua Tổng

Công ty đã tập trung vào đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết nhằm đạt được kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 cụ thể như sau:

1.1. Ngành kinh doanh thiết bị điện

1.1.1. Ngành hàng dây và cáp điện CADIVI

Năm 2017 vật tư, nguyên liệu chủ yếu cho sản xuất biến động tăng liên tục. Thị trường dây cáp điện cạnh tranh ngày càng cao do nhiều nhà sản xuất ở phía Bắc thâm nhập vào thị trường Miền Nam, Miền Trung cạnh tranh với CADIVI. Ngoài ra trong 6 tháng đầu năm 2017, việc di dời các cơ sở sản xuất Phú Lâm và Âu Cơ của nhà máy CADIVI Sài Gòn

về khu công nghiệp Tân Phú Trung dẫn tới việc thiếu hụt nhân sự do chưa tuyển mới kịp gây ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của các nhà máy cũng như của toàn Công ty.

Tuy nhiên, với sự điều hành quyết liệt của GELEX và Ban điều hành CADIVI đã giúp CADIVI giữ vững thị phần. Kết quả SXKD năm 2017 của CADIVI, tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 6.825 tỷ đồng, tăng 21,2% so với năm 2016 là 5.629 tỷ đồng; tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 326 tỷ đồng, tăng 36,4% so với mức 239 tỷ đồng năm 2016.

1.1.2. Ngành hàng máy biến áp THIBIDI, HEM

Năm 2017 máy biến thế THIBIDI đối mặt với nhiều thách thức: nhu cầu mua sắm ngành điện sụt giảm mạnh, các đối thủ không ngừng đầu tư, mở rộng thị trường, tấn công vào các thị trường truyền thống của THIBIDI. Đồng thời với đó, các đối thủ cũng đầu tư mạnh vào công nghệ, dẫn đến các lợi thế cạnh tranh về mặt kỹ thuật của THIBIDI không vượt trội như trước, lợi thế về máy biến áp Amorphour giảm. Trước tình hình hình này THIBIDI vẫn kiên định tập trung cho sức mạnh cốt lõi của Công ty là chất lượng sản phẩm và dịch vụ sau bán tốt nhất. Đồng thời với đó, THIBIDI cũng tăng cường công tác bán hàng, đẩy mạnh doanh thu bán lẻ và xuất khẩu, thực hiện tái cấu trúc lại hệ thống sản xuất, áp dụng nhiều cải tiến kỹ thuật, công nghệ từ đó giúp giữ vững được thị trường, đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra.

Năm 2017 THIBIDI có bước tăng trưởng rất ấn tượng với tổng doanh thu thuần đạt 2.547 tỷ đồng, tăng 0,5% so với mức 2.535 tỷ đồng năm 2016; lợi nhuận sau thuế đạt 321 tỷ đồng, tăng 52,86% so với mức 210 tỷ đồng cùng kỳ năm trước.

Thị trường máy biến áp khu vực phía bắc, thị trường truyền thống của HEM ngày càng cạnh tranh gay gắt với nhiều đối thủ cung cấp sản phẩm. Bên cạnh đó, thị trường máy biến áp cung cấp cho ngành điện sụt giảm mạnh trong 6 tháng cuối năm 2017, dẫn đến nhu cầu sản phẩm máy biến áp của HEM suy giảm. Tuy vậy, với sự nỗ lực cố gắng, doanh thu máy biến áp năm 2017 đạt 326,6 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2016.

1.1.3. Ngành hàng thiết bị đo điện EMIC

Năm 2017 là năm thực sự có nhiều khó khăn đối với GELEX-EMIC khi yêu cầu của EVN đối với sản phẩm công tơ điện tử đã thay đổi lớn về tiêu chuẩn kỹ thuật, hình thức đấu thầu và đặc biệt là giá cả mua sắm. Nghị quyết 337/NQ-HĐTV ngày 22/12/2016 của HĐTV EVN về phê duyệt giá trần công tơ điện tử khiến cho tổng doanh thu cả năm 2017 không đạt kế hoạch đề ra. Áp lực cạnh tranh trên thị trường ngày càng gia tăng, đặc biệt đối với sản phẩm máy biến dòng, máy biến áp.

Tuy vậy, với sự nỗ lực trong SXKD, GELEX-EMIC vẫn giữ vững được thị phần, kết thúc năm 2017, Doanh thu thuần của EMIC là 855 tỷ đồng đạt 85,5% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 170 tỷ đồng vượt 21,4% so với kế hoạch đề ra.

1.1.4. Ngành hàng động cơ điện và dịch vụ sửa chữa của HEM, VIHEM

Ngành hàng động cơ điện của HEM và VIHEM, đặc biệt là động cơ điện công suất nhỏ chịu sự cạnh tranh gay gắt của hàng Trung Quốc thông qua các công ty thương mại hoặc các công ty lắp động cơ từ bán thành phẩm Trung Quốc với giá bán thấp. Mặc dù vậy, HEM và VIHEM đã nỗ lực sắp xếp bộ máy thị trường, bán hàng, bảo hành để duy trì được phân khúc thị trường yêu cầu ổn định chất lượng cao, các khách hàng OEM, các sản phẩm động cơ điện chống cháy, động cơ điện phòng nổ. Bên cạnh đó, cả HEM và VIHEM đều có những sự đầu tư quan trọng cho dịch vụ sửa chữa máy phát, động cơ điện cỡ lớn nhằm khai thác tiềm năng thị trường cũng như phát huy các thế mạnh về năng lực thiết bị, đội ngũ kỹ thuật giàu kinh nghiệm. HEM đã được các hãng lớn như SIEMENS, MITSUBISHI, TOSHIBA lựa chọn là nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa ủy quyền duy nhất ở Việt Nam.

Năm 2017 doanh thu thuần của HEM đạt gần 517 tỷ đồng, bằng 88,1% so với kế hoạch tuy nhiên lợi nhuận sau thuế đạt 81 tỷ đồng, bằng 121% so với kế hoạch.

Năm 2017 doanh thu thuần VIHEM đạt 135,7 tỷ đồng đạt 72,8 % so với thực hiện 2016 và 67,85% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 22,2 tỷ đồng, giảm lỗ lũy kế còn 28,8 tỷ đồng đến hết năm 2017.

1.2. Ngành kinh doanh Logistics - Sotrans

Năm 2017 ghi nhận một số điều kiện thuận lợi cho hoạt động logistics như kinh tế thế giới tiếp tục hồi phục, kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, xuất nhập khẩu tăng trưởng. Tuy vậy, hoạt động logistics cũng đối mặt với nhiều khó khăn như cạnh tranh trên thị trường logistic ngày càng gay gắt, cơ sở hạ tầng phục vụ ngành chưa đáp ứng đầy đủ. Đối với hệ thống Sotrans, trong năm qua doanh thu từ vận tải dự án siêu trường siêu trọng đạt thấp do các dự án Sông Hậu, Long Phú, Thăng Long... mới triển khai ở giai đoạn đầu. Bên cạnh đó, việc tạm dừng vận tải cho khách hàng Formosa do các sự cố về môi trường cũng ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống.

Trong năm qua, Sotrans đã đưa Dự án kho Sotrans Phú Mỹ đi vào hoạt động từ tháng 1/2017, khánh thành depot Mỹ Phước, đẩy mạnh việc phát triển hệ thống đại lý mới, đầu tư đội xe vận tải, giúp cắt giảm được chi phí làm hàng cho hoạt động Giao nhận nội địa, góp phần đẩy mạnh tăng trưởng về lợi nhuận gộp là 123,7% so với cùng kỳ.

Kết thúc năm 2017, tổng doanh thu thuần của Sotrans group đạt 1.454,8 tỷ đồng, đạt 82,7% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 521,2 tỷ đồng, đạt 82,2% so với kế hoạch.

1.3. Ngành kinh doanh điện, nước - Phú Thạnh Mỹ, Viwasupco

1.3.1. Ngành sản xuất điện

❖ CTCP Phú Thạnh Mỹ- Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A

Tình hình thời tiết năm 2017 rất thuận lợi cho hoạt động sản xuất thủy điện, lượng mưa trung bình năm cao và phân bố khá đều trong cả mùa khô và mùa mưa góp phần chủ yếu giúp cho hoạt động sản xuất điện năng của Công ty đạt được nhiều thắng lợi.

Năm 2017 là năm đạt doanh thu và lợi nhuận sau thuế cao nhất từ trước đến nay, doanh thu đạt 277,6 tỷ đồng – tương đương 121% so với kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 87,6 tỷ đồng tương đương 216% so với kế hoạch.

❖ *Các dự án phát điện khác*

Trong năm 2017, Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX, đơn vị 100% vốn của GELEX đã đầu tư nắm giữ 49% cổ phần Công ty CP SCI Nghệ An, đơn vị đầu tư dự án thủy điện Ca Nan với tổng công suất 23MW. Dự kiến Nhà máy Ca Nan 1 sẽ phát điện thương phẩm vào Quý 1 năm 2019 và nhà máy Ca Nan 2 sẽ phát điện thương phẩm vào Quý 2 năm 2018.

Trong năm 2017, Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX cũng đã thực hiện thủ tục để xin cấp phép đầu tư dự án năng lượng mặt trời tại Ninh Thuận với công suất thiết kế 50MW. Đến nay dự án đã được cấp phép đầu tư và đang thực hiện các thủ tục để triển khai xây dựng.

1.3.2. Ngành kinh doanh nước sạch - Viwasupco

Trên cơ sở chiến lược tái cấu trúc, Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam thông qua công ty Năng lượng Gelex đã tiến hành mua cổ phần của công ty Viwasupco nhằm phát triển ngành hạ tầng nước. Hiện tại Năng lượng Gelex đang sở hữu 25.680.000 cổ phần của Viwasupco tương đương với 51,36% của Công ty.

Năm 2017, Viwasupco có một số thuận lợi như: Nhu cầu cấp nước của Thành phố Hà Nội ngày càng tăng mạnh do tốc độ phát triển đô thị khu vực Tây Nam Thành phố và dọc đường Đại lộ Thăng Long. Tuy vậy, Công ty cũng phải đối diện với những khó khăn do chưa xây dựng xong trạm bơm tăng áp và tuyến ống mới dẫn đến sản lượng bán ra chưa đạt như kỳ vọng. Công tác đầu tư vẫn còn chậm chưa triển khai kịp thời hỗ trợ cho tuyến ống giai đoạn I. Tuy nhiên Viwasupco vẫn cố gắng hoàn thành kế hoạch đề ra:

Tổng sản lượng 2017 là khoảng 80 triệu m³, doanh thu đạt 413,9 tỷ đồng đạt 99% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 169,8 tỷ đồng tăng 5% so với kế hoạch đặt ra.

1.4. Ngành bất động sản

Trong năm 2017, GELEX đã thành lập Công ty TNHH MTV GELEX LAND, do GELEX sở hữu 100% vốn để phát triển các dự án bất động sản thương mại với trọng tâm là khách sạn, văn phòng, bán lẻ và bất động sản công nghiệp (nhà xưởng, kho tàng, bến bãi).

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1984
2	Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng	1976

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành, Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Giới tính: : Nam
Ngày tháng năm sinh: : 06/03/1984
Quốc tịch: : Việt Nam
Dân tộc: : Kinh
Trình độ văn hóa: : 12/12
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Thương mại Quốc tế, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
Quá trình công tác: :

12/2013 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Hạ tầng Fecon

07/8/2014 – 23/5/2016: Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Chứng khoán IB

08/7/2014 – 24/5/2016: Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Quản lý quỹ IB

09/03/2016-26/07/2017: Chủ tịch HĐQT – Tổng công ty cổ phần Đường sông Miền Nam

21/04/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Kho vận Miền Nam

26/07/2017-nay: Thành viên HĐQT- Tổng công ty cổ phần Đường sông Miền Nam

07/2017 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD

16/07/2016 – 01/04/2018: Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam

6/9/2016 – 01/04/2018: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam

01/04/2018 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

09/2016 - nay: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện

11/2016 - nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX

04/2017 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam

Chức vụ hiện nay: : Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: : Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Hạ tầng Fecon
Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kho vận Miền Nam
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam
Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện
Chủ tịch Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX
Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD
Thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Đường sông Miền Nam

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Phạm Tuấn Anh – Kế toán trưởng

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 03/11/1976
CMND : 001076013343, ngày cấp:28/10/2016, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :

02/1999-03/2005: Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội

04/2005-08/2010: Phó Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội

09/2010-10/2010: Phó Phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam

11/2010-10/2011: Phó Phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

11/2011-nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

03/2016- 04/2018: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện

12/2014-nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari

Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari
Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 12.880 cổ phiếu, chiếm 0,005% vốn điều lệ

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2017:

- Ngày 14/09/2017 Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam có Quyết định phê duyệt Đơn xin từ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc thứ nhất Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam của ông Nguyễn Đình Hùng. Theo đó, ông Nguyễn Đình Hùng thôi giữ chức vụ Phó tổng giám đốc thứ nhất kể từ ngày 15/09/2017.

- Ngày 25/05/2017 Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam có Quyết định miễn nhiệm chức danh Giám đốc tài chính đối với bà Vũ Thanh Hương kể từ ngày 01/06/2017.

2.3. Công tác tổ chức nhân sự, lao động tiền lương và thực hiện các chế độ với người lao động

Tại thời điểm 31/12/2017 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam có 83 CBCNV. Năm 2017, Tổng công ty và một số đơn vị thành viên đã kịp thời bổ sung, sửa đổi và ban hành Quy chế trả lương mới đáp ứng yêu cầu quản lý thực tế của Tổng công ty hiện nay, tạo động lực tích cực tới người lao động; hướng tới mục đích trả lương công bằng, theo đúng mức độ đóng góp của từng người lao động.

Về các chế độ với người lao động, GELEX thực hiện đầy đủ việc đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho người lao động. Tổng công ty cũng thường xuyên chăm lo công tác y tế, cấp phát thuốc cho CBCNV, trang bị bảo hộ lao động, đã tổ chức khám sức khỏe định cho toàn bộ người lao động.

Công tác tuyển dụng cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng. Lao động được tuyển dụng đã hòa nhập nhanh và bước đầu có những đóng góp cho đơn vị.

Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo Bộ luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi, thời gian nghỉ phép, lễ, nghỉ ốm, nghỉ thai sản...

Việc thanh toán tiền lương cho người lao động được thực hiện đầy đủ, không nợ lương người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Đầu tư vốn tại các đơn vị thành viên

Năm 2017 GELEX tiếp tục tái cấu trúc lại bộ máy Tổng Công ty nhằm nâng cao năng lực hoạt động đầu tư chiến lược và quản lý vốn đầu tư. Tổng Công ty mẹ tập trung hiệu quả hơn vào các chức năng định hướng chiến lược, kế hoạch cho công ty con; Hỗ trợ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phối kết hợp giữa các đơn vị trong Tổng Công ty; Theo dõi, giám sát hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên; Thực hiện hoạt động đầu tư chiến lược; Phát triển thương hiệu chung, xây dựng và phát triển quan hệ với đối tác, với cơ quan quản lý. Cụ thể như sau:

- ✓ Tháng 03/2017, GELEX hoàn thành thủ tục chào mua công khai nâng tỷ lệ sở hữu tại SOTRANS từ 24,93% lên 51,03%, từ đó SOTRANS chuyển thành công ty con của GELEX; Tháng 12/2017, GELEX tăng tỷ lệ sở hữu tại SOTRANS lên 54,78%
- ✓ Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) từ 74,73% lên 79,76%
- ✓ Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam từ 49,24% lên 72,4% và theo đó, Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng công ty
- ✓ Tháng 7/2017, GELEX mua thêm 5.700.000 cổ phần Công ty Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari, nâng tỷ lệ sở hữu từ 34,27% lên 65,37%, VIHEM trở thành công ty con của Tổng công ty
- ✓ GELEX thành lập Công ty TNHH MTV GELEX LAND do GELEX sở hữu 100% với vốn điều lệ 50 tỷ đồng
- ✓ Thoái toàn bộ 510.000 cổ phần tại Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC
- ✓ Chuyển 81,25% vốn tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Gelex từ Tổng công ty sang Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex.
- ✓ Phê duyệt Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex mua chi phối Công ty cổ phần nước sạch Vinaconex (Viwasupco). Đến 31/3/2018, Công ty TNHH MTV năng lượng Gelex nắm giữ 51,36% cổ phần Viwasupco.

3.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên doanh liên kết năm 2017 do GELEX sở hữu trực tiếp

STT	Tên Công ty	Đơn vị	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	LN trước thuế	LN sau thuế
1	Công ty CP Dây và Cáp điện VN (CADIVI)	VNĐ	2.963.073.795.988	6.825.487.972.073	410.060.834.178	326.059.243.880
2	Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM)	VNĐ	838.126.840.788	542.050.261.454	89.409.809.861	80.328.214.847
3	Công ty TNHH GELEX CAMPUC HIA (USD)	USD	8.801.734.486	8.229.976.786	16.110.161	6.275.930
4	Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex	VNĐ	3.066.080.352.959	244.218.175.525	62.482.479.391	62.327.421.142
5	Công ty CP Thiết bị điện (THIBIDI)	VNĐ	1.988.230.952.350	2.547.703.752.748	410.214.826.180	321.033.030.470
6	Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	VNĐ	556.313.801.678	855.096.353.759	170.032.001.010	137.363.308.480
7	Công ty cổ phần kho vận Miền Nam	VNĐ	2.473.415.688.389	1.454.854.769.890	653.271.634.750	521.277.995.236
8	Công ty Dây đồng VN CFT (USD)	VNĐ	1.558.779.418.589	5.733.347.283.669	33.452.431.073	27.388.854.281
9	Công ty CP K.I.P Việt Nam (K.I.P Việt Nam)	VNĐ	154.935.716.511	294.683.058.089	15.076.576.764	12.014.798.580
10	Công ty CP Chế tạo máy điện VN-HGR (VIHEM)	VNĐ	137.370.338.000	135.704.900.899	22.241.807.846	22.241.807.846
11	Công ty TNHH MTV Gelex Land	VNĐ	8.801.734.486	500.000.000	-765.598.678	-765.598.678

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

✓ Tình hình tài chính tại Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ tăng giảm năm 2017 so với năm 2016
1	Tổng giá trị tài sản	5.415.139.492.276	6.606.943.422.232	22,01%
2	Doanh thu thuần	1.289.111.075.441	2.216.497.908.877	71,94%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	335.098.294.206	368.069.712.980	9,84%
4	Lợi nhuận khác	-1.089.091.824	1.238.635.733	213,73%
5	Lợi nhuận trước thuế	334.009.202.382	369.308.348.713	10,57%
6	Lợi nhuận sau thuế	305.506.529.160	369.308.348.713	20,88%

✓ Tình hình tài chính hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ tăng giảm năm 2017 so với năm 2016
1	Tổng giá trị tài sản	8.933.123.520.023	13.909.675.252.433	55,71%
2	Doanh thu thuần	7.297.113.334.868	11.984.141.069.797	64,23%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	792.348.058.401	1.618.169.847.877	104,22%
4	Lợi nhuận khác	-20.770.401.386	40.074.206.642	292,94%
5	Lợi nhuận trước thuế	771.577.657.015	1.658.244.054.519	114,92%
6	Lợi nhuận sau thuế	651.430.824.319	1.314.586.857.883	101,80%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

✓ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,39	0,65
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,39	0,64
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,61	0,45
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,59	0,83
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	15,46	258,38
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	23,81%	33,55%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	23,70%	16,66%
Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,11%	12,96%
Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,87%	6,14%
Hệ số LN từ hoạt động KD/DT thuần	%	25,99%	16,61%

✓ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,69	1,56
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,26	1,17
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,62	0,55
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,65	1,21
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,71	5,79
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	81,69%	86,16%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,93%	10,97%
Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,49%	27,19%
Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	9,41%	11,51%
Hệ số LN từ hoạt động KD/DT thuần	%	10,86%	13,50%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

✓ Tại thời điểm 31/12/2017:

- Tổng số cổ phần của GELEX: 266.800.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 7.120.101 cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày 20/01/2017
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách ngày 26/12/2017

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	2.016	235.423.867	2.354.238.670.000	88,24%
1	Cổ đông tổ chức	42	143.968.960	1.439.689.600.000	53,96%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>				
2	Cổ đông cá nhân	1.974	91.454.907	914.549.070.000	34,28%
II	Cổ đông nước ngoài	45	31.376.133	313.761.330.000	11,76%
1	Cổ đông tổ chức	28	31.223.633	312.236.330.000	11,70%
2	Cổ đông cá nhân	17	152.500	1.525.000.000	0,06%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	0	0,00%
	<u>Tổng cộng</u>	2.061	266.800.000	2.668.000.000.000	100,00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Các đợt tăng vốn	VĐL sau tăng (tỷ VND)	Mức vốn tăng (tỷ VND)	Phương thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Tháng 1 năm 2017	2.320	770	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 01/08/2016; ❖ Công văn số 6664/UBCK-QLCB ngày 04/10/2016 về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng; ❖ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 60/GCN-UBCK ngày 04/10/2016 ❖ Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng gửi UBCKNN ngày 23/01/2017;

				<ul style="list-style-type: none"> ❖ Công văn số 534/UBCK-QLCB ngày 23/01/2017 về báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Tổng công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 6 ngày 21/02/2017
Tháng 7/2017	2.668	348	Phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Nghị quyết số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2017 ❖ Công văn số 5015/UBCK-QLCB ngày 18/07/2017 về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 7 ngày 23/08/2017

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2017, thực hiện theo Nghị quyết HĐQT số 17/2017/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 29/03/2017 và được sự chấp thuận của UBCKNN theo công văn số 2105/UBCK-QLCB ngày 19/04/2017, Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã bán 500.000 cổ phiếu quỹ với nội dung chi tiết như sau:

Chi tiết đợt bán cổ phiếu quỹ năm 2017	Nội dung chi tiết
- Ngày bắt đầu bán	03/05/2017
- Ngày kết thúc bán	17/05/2017
- Số lượng cổ phiếu quỹ giao dịch được	500.000 cổ phiếu

Chi tiết đợt bán cổ phiếu quỹ năm 2017	Nội dung chi tiết
- Giá giao dịch	Theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

Các tổ chức chính trị xã hội trong các Doanh nghiệp thuộc hệ thống GELEX được tôn trọng, quan tâm và tạo mọi điều kiện để hoạt động theo qui định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổ chức hoạt động của Tổng công ty và Nội quy lao động.

Các đơn vị thực hiện triệt để tiết kiệm vật tư, nguyên vật liệu từ khâu quản lý, thu mua, giao nhận, bảo quản, bảo vệ đến điều phối vật tư trong cơ cấu sản phẩm. Ngoài ra GELEX luôn nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý.

Bên cạnh đó, GELEX luôn nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước về môi trường, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, hiệu quả cho cán bộ công nhân viên.

Năm 2017, GELEX tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên tích cực tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao. Cụ thể đã tổ chức Hội thao GELEX 2017 quy tụ hơn 400 vận động viên và cổ động viên đến từ Tổng công ty, các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc.

Công tác xã hội, quyên góp ủng hộ đồng bào nghèo tiếp tục được thực hiện nhiệt tình và hiệu quả. Năm 2017, GELEX đã hỗ trợ xây dựng bếp ăn trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Pinăng Tắc tại tỉnh Ninh Thuận với tổng giá trị 1,2 tỷ đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Về tổng quan trong năm qua, chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Tổng công ty có sự tăng trưởng rõ nét. Tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2017 của GELEX là 11.984 tỷ đồng, tăng 64,2% so với mức 7.297 tỷ đồng năm 2016, nguyên nhân là do số lượng công ty con được hợp nhất trong năm 2017 nhiều hơn năm 2016 (mua thêm Sotrans, Phú Thạnh Mỹ, K.I.P Việt Nam và nâng tỷ lệ sở hữu tại Thibidi, Cadivi). Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của GELEX đạt 1.315 tỷ đồng vượt 25,2% so với kế hoạch, tăng 101,8% so với mức 651 tỷ đồng của năm 2016. Tổng doanh thu thuần công ty mẹ đạt 2.216 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 369 tỷ đồng, tăng 21% so với mức 305 tỷ đồng năm 2016.

✓ Các chỉ tiêu của Công ty mẹ

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2016	THỰC HIỆN 2017	TH NĂM 2017 SO VỚI TH NĂM 2016
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.289	2.216	171,92%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	334	369	110,48%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	305	369	120,98%
4	Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	81	149	183,95%

✓ Các chỉ tiêu hợp nhất

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2016	THỰC HIỆN 2017	TH NĂM 2017 SO VỚI TH NĂM 2016
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	7.297	11.984	164,23%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	772	1.658	214,77%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	534	1.315	246,25%
4	Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	403	968	240,20%

2. Tình hình tài chính

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã tích cực có các hoạt động tài chính nhằm tối ưu hóa các nguồn lực trong toàn tập đoàn, giảm chi phí tài chính. Nhằm huy động vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty thực hiện huy động vốn thông qua hình thức phát hành trái phiếu với tổng giá trị phát hành thành công là 300 tỷ đồng.

Công tác quản lý, sử dụng vốn và tài sản được thực hiện tốt, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của cổ đông. Về công tác quản lý tài chính, ngoài việc điều tiết và sử dụng hợp lý nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, dòng tiền được lưu chuyển quay vòng ổn định, chi phí tài chính được tiết kiệm bằng việc tìm vốn vay giá rẻ v.v... nguồn vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên cũng được giám sát chặt chẽ, hiệu quả.

Chi tiết tình hình Tài sản, nợ phải trả được trình bày trong Mục 4 Phần II.

Công tác kế toán tiếp tục được duy trì tốt, quản lý chặt chẽ, các Báo cáo tài chính định kỳ được lập chính xác, đảm bảo nghĩa vụ công bố thông tin theo qui định. Tình hình tài chính lành mạnh, phát triển bền vững, lâu dài.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2017, một loạt các quy chế, quy định quản trị nội bộ trong toàn hệ thống GELEX được kiện toàn, xây dựng, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với cơ cấu sở hữu, mô hình quản trị mới GELEX Group như: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế mua sắm, sửa chữa và quản lý tài sản cố định, Quy chế Quản lý tài chính, Hệ thống phân cấp thẩm quyền phán quyết trong hoạt động quản trị điều hành, Quy chế người đại diện... nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của GELEX.

Từng Đơn vị thành viên trong hệ thống GELEX cũng đã, đang và sẽ tập trung kiện toàn hệ thống quy chế, quy định về quản trị doanh nghiệp. Sự sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy chế, quy định nội bộ góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị theo hướng chặt chẽ và phù hợp hơn với yêu cầu thực tế.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 tại GELEX như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2018
I	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	15.000
II	Lợi nhuận trước thuế TNDN hợp nhất	Tỷ đồng	1.820
III	Chi trả cổ tức	%/năm	30%

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Tổng công ty đã thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh quốc phòng.

Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, tham gia các hoạt động xã hội của địa phương...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Năm 2017, nền kinh tế trong nước có dấu hiệu phục hồi, nhu cầu đối với ngành hàng thiết bị điện tăng nên đã có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Cùng với việc tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, sự nỗ lực của các đơn vị

thành viên và của tập thể người lao động, Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã đề ra với chỉ tiêu Doanh thu hợp nhất đạt 11.984 tỷ đồng, **tăng 10%** so với kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của GELEX đạt 1.315 tỷ đồng, **tăng 25,2%** so với kế hoạch được Đại hội thông qua.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc: tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, công tác điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động, sáng tạo của Ban điều hành.

Kết quả giám sát cho thấy Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Tổng công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, vì sự ổn định và phát triển bền vững của Tổng công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2018, để đạt được mục tiêu Doanh thu và Lợi nhuận như báo cáo của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Tổng công ty đề xuất một số giải pháp chung như sau:

- Tái cấu trúc ngành hàng thiết bị điện nhằm tạo sức mạnh tổng hợp từ các đơn vị trong ngành hàng này, khẳng định thương hiệu thiết bị điện của GELEX.
- Tập trung khai thác và phát triển quỹ đất hiện có của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên với mục tiêu trở thành một nhà cung cấp dịch vụ khách sạn và văn phòng cho thuê uy tín của Việt Nam.
- Tái cấu trúc GELEX theo 3 lĩnh vực chính gồm Công nghiệp (chủ đạo là Thiết bị điện), Hạ tầng và Bất động sản. Ưu tiên tái cấu trúc ngành hàng thiết bị điện trong năm 2018.
- Thông qua việc phát triển dự án mới hoặc thông qua hoạt động M&A, đầu tư vào lĩnh vực nguồn phát điện theo chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua, tập trung vào thủy điện, năng lượng tái tạo như điện gió, năng lượng mặt trời, sản xuất và cung cấp nước sạch cho sản xuất và tiêu dùng, là lĩnh vực có nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước.
- Kiểm soát chặt chẽ đi liền với hỗ trợ tích cực các hoạt động của đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vốn của GELEX tại các đơn vị.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý; chủ động nâng cao năng lực quản trị.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn cho từng ngành hàng trong toàn GELEX.

- Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Đối với công tác xã hội, GELEX sẽ là một doanh nghiệp có trách nhiệm đối với các hoạt động xã hội như công tác đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ vùng bị thiên tai, công tác từ thiện vì người nghèo, các hoạt động bảo vệ môi trường, hỗ trợ cộng đồng, an sinh xã hội...

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ II (2016-2020) gồm 5 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và có sự thay đổi trong năm 2016 với sự tham gia của ông Nguyễn Văn Tuấn.

Tại phiên họp HĐQT ngày 03/1/2018, ông Nguyễn Hoa Cương có Đơn xin thôi chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm thường trực HĐQT vì lý do cá nhân. HĐQT Tổng công ty đã thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuấn làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 04/01/2018
		Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 04/01/2018
2	Nguyễn Hoa Cương	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 04/01/2018
		Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 04/01/2018
3	Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT	
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	
5	Võ Anh Linh	Thành viên HĐQT	

Ông Nguyễn Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – như trên

Ông Nguyễn Hoa Cương – Thành viên HĐQT

Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 17/03/1961
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

:

1/1985 – 6/1991: Kỹ sư cơ khí – Phòng Công nghệ - Nhà máy chế tạo Điện cơ Hà Nội

6/1991 – 8/1996: Phó phòng – Phòng Công nghệ - Nhà máy chế tạo Điện cơ Hà Nội

8/1996 – 2010: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD

2003 – 2008: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ điện Hà Nội

2006 – 2009: Ủy viên HĐQT Công ty TNHH Nhà nước MTV Chế tạo điện cơ Hà Nội

2007 – 06/2017: Phó chủ tịch HĐQT Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD

06/2017 - nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD

2008 – 2011: Ủy viên HĐQT CTCP Kinh doanh vật tư THIBIDI

2009 – 2012: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam

2009 – 2011: Ủy viên HĐQT CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội

1/2007 – 6/2010: Ủy viên thường trực HĐQT Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam

7/2010 – 11/2010: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam

11/2010 – 04/01/2018: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

04/01/2018 - nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

2011 – 08/2016: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

08/2016 – 10/2017: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

2012 – 04/2017: *Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam*

04/2017 – 17/10/2017: *Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam*

03/10/2017 - nay: *Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam*

2014 – nay: *Bí thư Đảng ủy Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam*

Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT của GELEX

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam
Thành viên HĐQT Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Trọng Tiêu – Thành viên HĐQT

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 20/11/1959

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

01/1983 – 9/1985: *Kỹ sư thiết kế Phòng Thiết kế, Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội*

9/1985 – 11/1987: *Nhập ngũ, sỹ quan thuộc Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 596 Bộ Tư lệnh thông tin liên lạc*

12/1987 – 2/1989: *Kỹ sư Thiết kế Phòng Thiết kế Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội*

3/1989 – 7/1990: *Học Tiếng Anh tại Trường Bồi dưỡng nghiệp vụ Bộ Cơ khí Luyện Kim*

7/1990 - 12/1992: *Phó Phòng Thiết kế, Công ty chế tạo điện cơ Hà Nội*

12/1992 – 4/2000: *Trưởng phòng Kinh doanh Công ty chế tạo Điện cơ*

Hà Nội

- 4/2000 – 4/2005: Phó Giám đốc Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 4/2005 – 6/2009: Giám đốc Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 7/2005 – 3/2007: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Chế tạo điện cơ Hà nội
- 3/2007 – 12/2009: Bí thư Đảng ủy Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 7/2009 – 12/2009: Tổng Giám đốc Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 01/2010 – 06/2010: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- 07/2010 – 11/2010: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- 12/2010 – 9/2016: Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- 09/2016 – nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
- 11/2010 – nay: Ủy viên HĐQT Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- 9/2009 – 5/2010: Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Khối Công nghiệp Hà Nội
- 1995 – 07/2017: Ủy viên HĐQT Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD
- 2009 – 08/2016: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 23/10/2017 - nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 06/2017 - nay: Tổng giám đốc Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 7/2015 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện
- 5/2010 – 8/2015: Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Khối Công nghiệp Hà Nội

Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện
Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ

phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 53.475 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thành viên HĐQT độc lập

Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 18/12/1957
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hoá VLXD, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác :

1980 – 1994: Giảng viên Đại học Kiến trúc Hà Nội

1994 – 2004: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bất động sản TÔGI

2004 – 2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành

2008 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành

Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Capitalland - Hoàng Thành

2008 – 2013: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Đô thị Quốc tế

2006 – 2013: Tổng Giám đốc CTCP Trần Hưng Đạo

2013 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Trần Hưng Đạo

2004 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Hoàng Thành

2010 – nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP thiết bị điện Việt Nam

Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức : Chủ tịch HĐQT CTCP Trần Hưng Đạo

khác Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng
Hoàng Thành
Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH CapitaLand –
Hoàng Thành
Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị
Hoàng Thành

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Võ Anh Linh - Thành viên HĐQT

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 05/09/1980
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán và CNTT, Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác :
2004 – 2007: *Tư vấn viên cao cấp – Deloitte Việt Nam*
2007 – 2015: *Phó trưởng ban đầu tư kinh doanh phụ trách đầu tư trái phiếu và cổ phiếu – Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước*
2015 – nay: *Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng bưu điện*
3/2016 – nay: *Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam*
Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng bưu điện
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo các Quy chế đã ban hành, đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành 10 phiên họp, ban hành 43 Nghị quyết, 21 Quyết định theo đúng thẩm quyền được qui định tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty. Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tập trung vào công tác tái cấu trúc Tổng công ty, công tác tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư ra bên ngoài, công tác tổ chức cán bộ và công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Ngoài ra, HĐQT đã ban hành các quy chế, quy định mới để tăng cường công tác quản lý: Quy chế Tài chính, Quy

chế chi tiêu nội bộ, quy chế mua sắm, sửa chữa và quản lý tài sản cố định, Quy chế người đại diện, ban hành Hệ thống phân cấp thẩm quyền phán quyết trong hoạt động quản trị điều hành,... Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp và được ban hành một cách hợp lệ, đúng với thẩm quyền.

HĐQT thường xuyên giám sát Ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh
1	Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng BKS	08/11/1976
2	Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên BKS	13/07/1971
3	Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên BKS	17/11/1980

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên – Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính: : Nữ

Ngày tháng năm sinh: : 08/11/1976

Quốc tịch: : Việt Nam

Dân tộc: : Kinh

Trình độ văn hóa: : 12/12

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế - Đại học Thương Mại

Quá trình công tác: :

4/2001 – 4/2009: Kế toán viên – Công ty chế tạo điện cơ Hà Nội

4/2009 – 12/2009: Phó phòng Tài chính – kế toán – Công ty TNHH NN MTV Chế tạo Điện cơ Hà Nội

01/2010 – 8/2010: Trưởng phòng Tổ chức – Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

8/2010 – 5/2015: Phó phòng Tài chính – Kế toán – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội

11/2010 – 03/2016: Trưởng Ban kiểm soát – Tổng Công ty cổ phần Thiết

bị Điện Việt Nam

03/2016 – 09/2016 : *Thành viên Ban kiểm soát – Tổng Công ty cổ phần
Thiết bị điện Việt Nam*

09/2016- nay : *Trưởng Ban kiểm soát – Tổng Công ty cổ phần Thiết
bị Điện Việt Nam*

06/2012 – nay : *Phó chủ tịch Công đoàn – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà
Nội*

04/2014- 09/2016: *Ủy viên HĐQT – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội*

06/2015 – nay: *Kế toán trưởng – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội*

Chức vụ hiện nay: : Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức : Kế toán trưởng CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
khác:

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Phạm Thị Mỹ Hà - Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 13/07/1971

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kế toán Quốc tế (MIA)/Kế toán viên công
chức Úc (CPA Australia)

Quá trình công tác :

1994-1997: *Kế toán viên – Công ty liên doanh quốc tế Hồ Tây*

1998: *Kế toán tổng hợp – Khách sạn Meritus Westlake
Hanoi (nay là KS Sofitel Plaza)*

1999-2002: *Kế toán trưởng – Khách sạn Melia Hà Nội*

2003-2010: *Giám đốc Tài chính – Khách sạn Melia Hà Nội*

2009-nay: *Thư ký HĐQT Công ty TNHH SAS – CTAMAD*

2011-nay: *Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài chính – Khách sạn
Melia Hà Nội*

Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 23.000 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ

Bà Phạm Thị Minh Cúc - Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 17/11/1980
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
Quá trình công tác :
07/2002-01/2008: *Kế toán viên – Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
03/2008-06/2013: *Kế toán Dự án “Tăng cường giám sát ngân sách cho đại biểu dân cử” – UB tài chính ngân sách của Quốc hội*
07/2013-06/2015: *Nhân viên, Phó phòng HCNS – Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội*
04/2014 - nay: *Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
07/2015-12/2016: *Trưởng phòng HCNS – Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội*
01/2017 - nay: *Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX*
02/2017 - nay: *Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ*
06/2017 – 09/2017: *Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX*
09/2017 - nay: *Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư Xây*

dựng GELEX

Chức vụ hiện nay	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Phú Thạnh Mỹ Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	:	Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2017, thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ hàng quý dưới các hình thức tập trung cũng như qua điện thoại, email để tiến hành kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty. Cụ thể:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý và điều hành Tổng Công ty;
- Kiểm tra trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Tổng thù lao đã chi cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty trong năm 2017 là 995 triệu đồng.

Lương của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2017 là 3.837 triệu đồng.

3.2 *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ - Ông Võ Anh Linh – Thành viên HĐQT	3.168.800	2,05%	10.066.180	3,77%	Mua và được chia 15% cổ tức bằng cổ phiếu
2	Nguyễn Thị Xuân Thanh	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ - Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch HĐQT	0	0%	80.500	0,03%	Mua và được chia 15% cổ tức bằng cổ phiếu
3	Phạm Thị Thu Hà	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ - Ông Võ Anh Linh – Thành viên HĐQT	2.420.000	1,56%	0	0%	Mua phát hành cho cổ đông hiện hữu và Bán

4	Nguyễn Trọng Tiêu	Thành viên HĐQT	31.000	0,02%	53.475	0,02%	Mua phát hành từ cổ đông hiện hữu và được chia 15% cổ tức bằng cổ phiếu
5	Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên BKS	10.000	0,006%	23.000	0,009%	Mua phát hành từ cổ đông hiện hữu và được chia 15% cổ tức bằng cổ phiếu
6	Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng – Người được ủy quyền CBTT	1.300	0,0008 %	12.880	0,005%	Nhận chuyển nhượng quyền mua trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và được chia 15% cổ tức bằng cổ phiếu
7	Nguyễn Bích Hà	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ - Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch HĐQT	50.000	0,032%	86.250	0,032%	Mua phát hành từ cổ đông hiện hữu và được chia 15% cổ tức bằng cổ phiếu

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

STT	NỘI DUNG/TÊN ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
I	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	
1	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	1.518.059.927.334
2	Công ty Cổ phần Thiết bị điện	379.847.274.370
3	Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	7.964.115.077
4	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	723.045.310
5	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	134.221.400
6	Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	955.505.240
II	Mua hàng hóa, dịch vụ	
1	Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	86.161.023.040
2	Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	1.652.400.000
3	Công ty TNHH MTV Gelex Land	500.000.000
III	Cho vay	
1	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	694.100.000.000

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

GELEX tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung và xây dựng mới các Quy chế quản trị nội bộ phù hợp hơn với tình hình thực tế; tăng cường năng lực quản lý theo hướng chuyên nghiệp; thắt chặt kỷ luật sản xuất; quản lý, kiểm soát tốt và tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm; thực hiện đào tạo nâng cao trình độ của lực lượng lao động phù hợp với thiết bị công nghệ mới để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và cải thiện thu nhập cho người lao động.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tổ chức kiểm toán

- Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội
- Địa chỉ: 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3831 500
- Fax: (84-24) 3831 5090

2. Ý kiến kiểm toán và báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 được công bố trên Trang thông tin điện tử của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, và trên trang web của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam theo đường dẫn: http://gelex.vn/financial_report

- Ý kiến kiểm toán: chấp nhận toàn bộ.

Xem *Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017* đính kèm.

Trân trọng báo cáo.

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC T. AN



Nguyễn Văn Tuấn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 84

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 23 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Hoa Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Giám đốc Điều hành	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính của Tổng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61355749/19516923-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 84 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.447.578.048.018	6.375.260.768.165
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.097.517.266.477	2.912.224.131.908
111	1. Tiền		603.601.059.404	551.676.131.908
112	2. Các khoản tương đương tiền		493.916.207.073	2.360.548.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	1.546.228.259.969	353.394.502.790
121	1. Chứng khoán kinh doanh		909.595.972.003	197.046.708.523
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(35.636.875.956)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		672.269.163.922	156.347.794.267
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.906.643.629.169	1.477.255.794.577
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	1.860.671.443.645	1.223.696.625.485
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	63.610.678.720	40.031.806.525
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	104.200.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.124.527.521.585	244.605.334.365
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1, 7.2, 8, 9	(246.729.041.840)	(37.077.971.798)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		363.027.059	-
140	IV. Hàng tồn kho	11	1.854.862.342.903	1.599.320.549.702
141	1. Hàng tồn kho		1.869.533.076.685	1.605.320.276.853
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.670.733.782)	(5.999.727.151)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		42.326.549.500	33.065.789.188
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	15.748.235.351	3.500.945.005
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.874.139.858	25.951.710.367
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		11.704.174.291	3.613.133.816

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.462.097.204.415	2.557.862.751.858
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		79.226.298.470	431.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7.1	75.339.914.100	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		917.100.000	-
216	3. Phải thu dài hạn khác		2.969.284.370	431.000.000
220	II. Tài sản cố định		3.043.665.083.104	966.172.163.921
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.880.913.600.506	919.011.992.588
222	Nguyên giá		5.058.980.927.810	1.845.841.427.074
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.178.067.327.304)	(926.829.434.486)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	162.751.482.598	47.160.171.333
228	Nguyên giá		179.420.477.939	58.439.178.735
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.668.995.341)	(11.279.007.402)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	218.930.439.828	126.271.840.991
231	1. Nguyên giá		249.527.882.070	135.324.654.546
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.597.442.242)	(9.052.813.555)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	265.956.309.343	233.426.742.295
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		265.956.309.343	233.426.742.295
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	1.672.377.287.976	1.003.976.347.979
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		1.207.984.753.588	1.000.267.658.228
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		95.417.309.831	3.495.681.301
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.222.933.776)	(386.991.550)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		370.198.158.333	600.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.181.941.785.694	227.584.656.672
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	428.834.930.386	189.278.626.743
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	34.3	11.592.718.157	5.676.808.934
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		603.026.667	-
269	4. Lợi thế thương mại	18	740.911.110.484	32.629.220.995
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		13.909.675.252.433	8.933.123.520.023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.603.987.514.057	5.568.228.552.992
310	I. Nợ ngắn hạn		4.764.444.793.235	3.780.162.929.723
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	850.417.170.698	618.097.889.769
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	183.618.552.087	38.263.732.896
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	76.935.295.527	57.562.288.051
314	4. Phải trả người lao động		162.643.056.568	124.492.002.514
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	46.121.959.412	38.300.478.430
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	40.748.892.189	20.332.886.290
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	495.219.073.115	324.415.731.261
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	24	2.746.317.989.552	2.358.916.461.904
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	25	93.132.353.140	154.974.905.223
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	26	69.290.450.947	44.806.553.385
330	II. Nợ dài hạn		2.839.542.720.822	1.788.065.623.269
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	45.835.022.150	46.945.637.558
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	119.631.176.007	99.062.274.095
338	3. Vay và nợ dài hạn	24	2.533.868.797.654	1.530.468.227.369
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	47.359.952.697	13.880.752.012
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	25	61.136.827.197	57.337.130.033
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		31.710.945.117	40.371.602.202
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.305.687.738.376	3.364.894.967.031
410	I. Vốn chủ sở hữu	27	6.295.473.043.703	3.360.921.478.909
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		622.337.724.760	66.378.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.388.963.577	77.388.963.577
415	4. Cổ phiếu quỹ		-	(5.026.115.259)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		48.866.128	83.604.392
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		77.023.242.245	208.668.128.206
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		934.863.540.700	749.075.810.262
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		148.693.053.445	215.405.554.558
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		786.170.487.255	533.670.255.704
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.915.810.706.293	714.353.087.731
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		10.214.694.673	3.973.488.122
431	1. Nguồn kinh phí		(52.023.000)	(25.923.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		10.266.717.673	3.999.411.122
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		13.909.675.252.433	8.933.123.520.023



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng


TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN
VIỆT NAM
NGUYỄN VĂN TUẤN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	12.094.756.795.679	7.409.353.474.617
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(110.615.725.882)	(112.240.139.749)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	11.984.141.069.797	7.297.113.334.868
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(9.997.817.551.567)	(6.328.866.193.807)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.986.323.518.230	968.247.141.061
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	847.451.817.078	297.625.061.884
22	7. Chi phí tài chính	30	(435.264.930.396)	(75.035.117.287)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(367.135.076.972)	(67.726.821.032)
24	8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết		21.762.126.462	(18.053.965.426)
25	9. Chi phí bán hàng	31	(261.312.019.780)	(148.661.288.583)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(540.790.663.717)	(231.773.773.248)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.618.169.847.877	792.348.058.401
31	12. Thu nhập khác	32	48.225.613.845	8.239.472.445
32	13. Chi phí khác	32	(8.151.407.203)	(29.009.873.831)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	32	40.074.206.642	(20.770.401.386)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.658.244.054.519	771.577.657.015
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(346.887.119.179)	(119.789.766.028)
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	34.3	3.229.922.543	(357.066.668)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.314.586.857.883	651.430.824.319
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		786.170.487.255	533.670.255.704
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	27.1	528.416.370.628	117.760.568.615

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	3.001	2.359
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	36	2.234	1.599



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.658.244.054.519	771.577.657.015
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		329.863.959.350	104.190.343.185
03	Các khoản dự phòng		5.971.972.873	6.922.799.298
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.279.804.188	(1.399.338.600)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(776.698.529.839)	(266.527.345.836)
06	Chi phí lãi vay	30	367.135.076.972	67.726.821.032
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.586.796.338.063	682.490.936.094
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		320.297.235.539	(77.850.159.753)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(180.152.992.826)	345.923.720.112
11	Giảm các khoản phải trả		(118.205.565.418)	(494.115.852.241)
12	Tăng chi phí trả trước		(125.150.325.840)	(47.417.193.163)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(709.958.990.922)	(197.046.708.523)
14	Tiền lãi vay đã trả		(380.604.353.835)	(55.722.805.787)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(333.737.726.193)	(112.938.901.052)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.950.087.949	11.795.857.545
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(99.747.083.044)	(63.981.574.353)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(30.513.376.527)	(8.862.681.121)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(321.461.088.860)	(379.654.472.396)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		21.847.792.178	384.745.165
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.887.969.401.933)	(173.300.473.823)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		515.179.880.069	575.561.799.556
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.855.039.412.447)	(755.196.492.305)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		860.580.707.486	42.889.376.109
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		206.924.162.788	189.632.396.012
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.459.937.360.719)	(499.683.121.682)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		1.549.250.173.028	2.211.060.000
33	Tiền thu từ đi vay		8.224.544.519.876	5.455.770.445.434
34	Tiền trả nợ gốc vay		(8.602.022.335.891)	(2.361.061.793.228)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(495.512.817.241)	(195.137.831.296)
	Trong đó:			
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ		(232.049.645.000)	(154.433.705.000)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(263.463.172.241)	(40.704.126.296)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		676.259.539.772	2.901.781.880.910
50	Lưu chuyển tiền trong năm		(1.814.191.197.474)	2.393.236.078.107
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.912.224.131.908	518.493.494.834
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(515.667.957)	494.558.967
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.097.517.266.477	2.912.224.131.908



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 23 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.374 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.990 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	79,76%	79,76%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	65,88%	65,88%	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX ("Năng lượng GELEX")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
4	Công ty TNHH GELEX Campuchia ("GELEX Campuchia")	100%	100%	Số 4B Đường 564, Phnom Penh, Campuchia	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	70,79%	70,79%	Đường số 09, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
6	Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Đo Điện ("EMIC")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất thiết bị đo điện
7	Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam ("K.I.P Việt Nam") [trước đây là Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I]	72,40%	72,40%	Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện dân dụng và công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
8	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans")	54,78%	54,78%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
9	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari ("VIHEM")	65,37%	65,37%	Tổ 24, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện
10	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land ("GELEX Land")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc ("Cadivi Miền Bắc")	100%	100%	Lô D1-3, Khu Công nghiệp Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh dây và cáp điện

Công ty HEM:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	99,82%	99,82%	Lô J12, đường số 10, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	51,35%	51,35%	Km12 – đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Công ty Năng lượng GELEX:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	67,93%	67,93%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh thủy điện
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX ("GELEX ICC")	81,25%	81,25%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Năng lượng GELEX: (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận") (i)	100%	100%	Số 126 đường 16/4, phường Mỹ Hải, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất và kinh doanh điện mặt trời
4	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Bình Thuận ("GELEX Bình Thuận") (i)	86,79%	90%	Khu biệt thự Sunny Villa, Hòn Rơm, Phường Mũi Né, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh điện mặt trời

(i) Các công ty con này chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh do vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

Công ty Sotrans:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	51%	51%	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
2	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans")	100%	100%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải
3	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco")	84,39%	84,39%	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận
4	Công ty TNHH Một thành viên ("Sotrans Hà Tĩnh")	100%	100%	Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ
5	Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức ("VTX")	84%	84%	Số 80-82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ và vận tải đường thủy
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	86,15%	86,15%	Số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Sotrans: (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
7	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	70%	70%	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	51%	51%	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Tổng Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 - 50 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không hao mòn

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có thời hạn từ 39 năm đến 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Tổng Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng dựa trên biên bản đo lường điện năng tiêu thụ và đơn giá bán điện được quy định theo Hợp đồng mua bán ký với Tập đoàn điện lực Việt Nam.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất .

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận, kinh doanh điện và các dịch vụ khác.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 *Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam trong năm 2016*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua 27,35% cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Công ty Thibidi") và qua đó, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Thibidi thành 70,79%. Theo đó, Công ty Thibidi trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Thibidi là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600253826, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 12 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 19 tháng 12 năm 2016.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty Thibidi là chế tạo, thiết kế, bán các máy móc, thiết bị điện. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Thibidi với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Thibidi tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Thibidi. Sau đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Thibidi tại ngày mua với những thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây, được điều chỉnh hồi tố như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.1 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam trong năm 2016 (tiếp theo)

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
			Đơn vị tính: VND
Tài sản			
Tiền và các khoản đương tiền	647.285.209.058	-	647.285.209.058
Các khoản phải thu ngắn hạn	352.689.650.396	-	352.689.650.396
Hàng tồn kho	625.916.042.866	-	625.916.042.866
Tài sản ngắn hạn khác	8.766.932.668	-	8.766.932.668
Tài sản cố định	100.866.026.891	69.403.760.061	170.269.786.952
Tài sản dài hạn khác	5.791.381.333	-	5.791.381.333
	1.741.315.243.212	69.403.760.061	1.810.719.003.273
Nợ phải trả			
Phải trả người bán	165.834.689.781	-	165.834.689.781
Vay và nợ thuê tài chính	262.466.843.149	-	262.466.843.149
Phải trả khác	219.027.765.697	-	219.027.765.697
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (phát sinh do điều chỉnh giá trị hợp lý)	-	13.880.752.012	13.880.752.012
	647.329.298.627	13.880.752.012	661.210.050.639
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	1.093.985.944.585	55.523.008.049	1.149.508.952.634
Cổ đông không kiểm soát [b]	319.520.811.101	16.216.622.028	335.737.433.129
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó [c]	218.070.592.690	50.130.147.810	268.200.740.500
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 18) [d]	21.805.459.206	10.823.761.789	32.629.220.995
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [e] = [a - b - c + d]	578.200.000.000	-	578.200.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con			
Tiền thu về từ công ty con	647.285.209.058	-	647.285.209.058
Tiền chi để mua công ty con	(578.200.000.000)	-	(578.200.000.000)
Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua	69.085.209.058	-	69.085.209.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.2 Mua Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2017, Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX, công ty con được sở hữu 100% bởi Tổng Công ty, đã hoàn tất việc mua 65% cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ") và theo đó, Công ty Phú Thạnh Mỹ trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty Phú Thạnh Mỹ là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4000455251, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp vào ngày 17 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 được cấp ngày 12 tháng 1 năm 2017.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện (thuộc dự án Thủy Điện Sông Bung 4A). Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Phú Thạnh Mỹ với mục đích phát triển mảng kinh doanh năng lượng của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Phú Thạnh Mỹ tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

Giá trị tạm tính ghi nhận
tại ngày mua

Tài sản	
Tiền và các khoản đương tiền	233.187.871.450
Các khoản phải thu ngắn hạn	53.465.944.265
Tài sản ngắn hạn khác	2.143.514.440
Tài sản cố định hữu hình	1.404.378.097.651
Tài sản dài hạn khác	6.034.095.684
	1.699.209.523.490
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	116.238.105.048
Vay và nợ thuê tài chính	1.011.777.823.000
Phải trả khác	50.070.940.721
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.641.596.609
	1.180.728.465.378
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	518.481.058.112
Cổ đông không kiểm soát [b]	181.468.370.340
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó [c]	294.221.335.650
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 18</i>) [d]	70.494.847.878
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [e] = [a - b - c + d]	113.286.200.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	233.187.871.450
Tiền chi để mua công ty con	(113.286.200.000)
Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua	119.901.671.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.2 Mua Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Phú Thạnh Mỹ tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Sotrans.

Kể từ ngày 27 tháng 2 năm 2017 (ngày mua), Công ty Phú Thạnh Mỹ đã đóng góp 71.728.511.982 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Phú Thạnh Mỹ từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 27 tháng 2 năm 2017 tương ứng là 48.788.190.435 VND và 15.890.592.135 VND.

4.3 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 (ngày mua), Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 26,01% cổ phần của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam ("Sotrans") và qua đó, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Sotrans thành 51,03%. Theo đó, Công ty Sotrans trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty hoàn tất việc mua thêm 3,75% cổ phần của Công ty Sotrans, tăng tỷ lệ sở hữu lên 54,78%.

Công ty Sotrans là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300645369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2016. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty Sotrans là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho bãi; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa.

Tại ngày mua, Công ty Sotrans sở hữu trực tiếp 4 công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam;
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (*);
- Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh; và
- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức.

(*) Công ty con này sở hữu Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam, là một công ty sở hữu 3 công ty con và 3 công ty liên kết khác.

Ngoài ra, Công ty Sotrans có 4 khoản đầu tư vào các công ty liên kết là:

- Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO;
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier;
- Công ty TNHH Lô-gi-Stíc Gefco – Sotrans; và
- Công ty Cổ phần MHC.

Thông tin về tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết và hoạt động của Công ty Sotrans và các công ty con, công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 16.

Tổng Công ty mua Công ty Sotrans với mục đích phát triển mảng kinh doanh vận tải và tiếp vận của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.3 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (tiếp theo)

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Sotrans tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị tạm tính ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	468.963.768.204
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	40.340.032.081
Các khoản phải thu ngắn hạn	298.175.317.905
Tài sản ngắn hạn khác	35.904.463.030
Tài sản cố định	513.715.819.913
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	131.638.500.464
Đầu tư vào công ty liên kết	495.850.002.415
Đầu tư vào đơn vị khác	321.813.266.614
Chi phí trả trước dài hạn	115.669.919.275
Tài sản dài hạn khác	4.665.620.636
	2.426.736.710.537
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	93.203.487.028
Vay và nợ	694.674.606.914
Phải trả khác	258.229.012.854
Thuế hoãn lại phải trả (phát sinh do điều chỉnh giá trị hợp lý)	36.600.178.509
	1.082.707.285.305
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	1.344.029.425.232
Cổ đông không kiểm soát [b]	851.474.434.731
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó [c]	579.799.558.000
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 18</i>) [d]	667.422.005.234
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [e] = [a - b - c + d]	580.177.437.735
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	468.963.768.204
Tiền chi để mua công ty con	(580.177.437.735)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(111.213.669.531)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Sotrans tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Sotrans.

Kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017 (ngày mua), Công ty Sotrans đã đóng góp 615.385.076.607 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Sotrans từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến 15 tháng 3 năm 2017 tương ứng là 320.553.688.378 VND và 37.886.558.143 VND.

4.4 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 22,91% cổ phần của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam ("K.I.P Việt Nam"), trước đây là Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I, thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty K.I.P Việt Nam. Thông qua giao dịch này, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty K.I.P Việt Nam thành 72,40% và theo đó, Công ty K.I.P Việt Nam trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.4 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1 (tiếp theo)

Công ty K.I.P Việt Nam là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công Nghiệp. Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000160 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 số 0500447942 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2017. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty K.I.P Việt Nam là chế tạo và kinh doanh các thiết bị đóng ngắt, điều khiển và bảo vệ dòng điện.

Tổng Công ty mua Công ty K.I.P Việt Nam với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty K.I.P Việt Nam tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

Giá trị tạm tính ghi nhận
tại ngày mua

Tài sản	
Tiền	21.184.202.902
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	25.910.006.124
Các khoản phải thu ngắn hạn	28.575.137.931
Hàng tồn kho	21.123.929.521
Tài sản cố định	31.101.148.183
Tài sản dài hạn khác	852.209.856
	128.746.634.517
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	21.865.157.256
Phải trả khác	14.083.858.390
	35.949.015.646
Tổng tài sản thuần theo giá trị tạm tính [a]	92.797.618.871
Cổ đông không kiểm soát [b]	25.846.171.891
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó [c]	45.693.567.882
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 18) [d]	5.942.330.107
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [e] = [a - b - c + d]	27.200.209.205
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	21.184.202.902
Tiền chi để mua công ty con	(27.200.209.205)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(6.016.006.303)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty K.I.P Việt Nam tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty K.I.P Việt Nam.

Kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2017 (ngày mua), Công ty K.I.P Việt Nam đã đóng góp 8.848.234.045 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty K.I.P Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến 31 tháng 5 năm 2017 tương ứng là 127.999.246.661 VND và 6.228.342.719 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.5 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 5.700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (“Vihem”) thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Vihem. Qua đó, Tổng Công ty sở hữu tổng cộng 7.190.700 cổ phần của Công ty Vihem (tương đương 65,37% vốn điều lệ) và Công ty Vihem trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Vihem là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 ngày 23 tháng 11 năm 2017. Công ty này có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.

Tổng Công ty mua Công ty Vihem với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Vihem tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị tạm tính ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	158.459.577.909
Các khoản phải thu ngắn hạn	32.704.364.688
Hàng tồn kho	37.663.992.543
Tài sản ngắn hạn khác	946.882.444
Tài sản cố định	7.652.587.425
Tài sản dài hạn khác	5.341.546.364
	242.768.951.373
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	10.203.401.593
Vay và nợ	63.822.970.154
Phải trả khác	80.830.190.783
	154.856.562.530
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	87.912.388.843
Cổ đông không kiểm soát [b]	30.444.060.256
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó [c]	17.143.050.000
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 18) [d]	25.224.721.413
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [e] = [a – b – c + d]	65.550.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	158.459.577.909
Tiền chi để mua công ty con	(65.550.000.000)
Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua	92.909.577.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.5 *Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Vihem tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Vihem.

Kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2017 (ngày mua), Công ty Vihem đã đóng góp 16.203.654.116 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Vihem từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 17 tháng 7 năm 2017 tương ứng là 67.664.898.550 VND và 6.038.153.730 VND.

4.6 *Mua công ty liên kết - Công ty TNHH SCI Nghệ An*

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2017, Công ty Năng lượng Gelex đã hoàn tất việc mua 12.005.000 cổ phần (tương đương 49% vốn điều lệ) của Công ty TNHH SCI Nghệ An ("SCI Nghệ An") thông qua việc phát hành cổ phần riêng lẻ của Công ty SCI Nghệ An. Qua đó, Công ty SCI Nghệ An trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty thông qua Công ty Năng lượng Gelex từ ngày này.

Công ty TNHH SCI Nghệ An là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2901147160 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 12 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại bản Huồi Thờ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính đăng ký của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty SCI Nghệ An với mục đích phát triển mảng kinh doanh năng lượng của Tập đoàn.

Công ty SCI Nghệ An chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh do vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư này được trình bày ở Thuyết minh số 16.

4.7 *Mua công ty liên kết – Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội*

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2017, Công ty Cadivi Đồng Nai (một công ty con của Công ty Cadivi) đã hoàn tất việc mua 1.618.000 cổ phần (tương đương 24,89% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Nhựa Hà Nội") thông qua giao dịch thỏa thuận. Qua đó, Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty thông qua Công ty Cadivi Đồng Nai từ ngày này.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty này có trụ sở chính tại Tổ 19, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp; sản xuất, mua bán các thiết bị, vật tư, hóa chất dùng để sản xuất nhựa. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư này được trình bày ở Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	10.646.240.768	3.618.795.858
Tiền gửi ngân hàng	592.954.818.636	548.057.336.050
Các khoản tương đương tiền (*)	493.916.207.073	2.360.548.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.097.517.266.477</u>	<u>2.912.224.131.908</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 4,3%/năm đến 5,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:						
- Trái phiếu (i)	628.146.597.200	628.146.597.200	-	197.046.708.523	197.046.708.523	-
- Chứng chỉ quỹ (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-
- Ủy thác đầu tư (iii)	124.903.826.847	101.929.470.527	(22.974.356.320)	-	-	-
- Chứng khoán niêm yết (iv)	105.989.547.956	96.037.048.320	(12.662.519.636)	-	-	-
- Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	556.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	909.595.972.003	876.669.116.047	(35.636.875.956)	197.046.708.523	197.046.708.523	-

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau:

Tổ chức phát hành	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	139.524.375.000	Kỳ hạn 2 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 21 tháng 2 năm 2019	9,5%	Tin chấp
Công ty Cổ phần Luyện Kim Bắc Việt	103.622.222.200	Kỳ hạn 36 tháng, lãi được nhận hàng năm. Trái phiếu đáo hạn vào ngày 28 tháng 3 năm 2020	8,0%	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An")	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2020	9,5%	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau (tiếp theo):

<i>Tổ chức phát hành</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Hải An	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn vào ngày 29 tháng 8 năm 2020	9,5%	(*)
Công ty Hải An	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 18 tháng 4 năm 2020	10,5%	(*)
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng ("Công ty Lâm Đồng")	85.000.000.000	Kỳ hạn 4 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 4 tháng 5 năm 2021	10,5%	(*)
TỔNG CỘNG	<u>628.146.597.200</u>			

(*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

Tập đoàn phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản mục này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản chứng chỉ quỹ như sau:

Nội dung	Số cuối năm		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	50.000.000.000	-	Thời hạn 12 tháng	Tín chấp
TỔNG CỘNG	50.000.000.000	-		

(iii) Chi tiết các khoản ủy thác đầu tư như sau:

Nội dung	Số cuối năm		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	80.500.000.000	(19.148.893.320)	Thời hạn không quá 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán và các giấy tờ có giá khác, khoản ủy thác cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 3 năm 2018	Tín chấp
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	44.403.826.847	(3.825.463.000)	Thời hạn 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán, đáo hạn vào ngày 19 tháng 1 năm 2018	Tín chấp
TỔNG CỘNG	124.903.826.847	(22.974.356.320)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

(iv) Chi tiết các khoản chứng khoán niêm yết như sau:

Nội dung	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần GTNFoods	73.429.980.000	76.140.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	27.560.799.998	15.291.500.000	(12.269.299.998)	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Đông Anh	4.870.895.400	4.599.000.000	(271.895.400)	-	-	-
Các cổ phiếu khác	127.872.558	6.548.320	(121.324.238)	-	-	-
TỔNG CỘNG	105.989.547.956	96.037.048.320	(12.662.519.636)	-	-	-

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Nội dung	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
				(Trình bày lại)			
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	249.969.163.922	249.969.163.922	-	156.347.794.267	156.347.794.267	-	
Ủy thác đầu tư (ii)	422.300.000.000	422.300.000.000	-	-	-	-	
TỔNG CỘNG	672.269.163.922	672.269.163.922	-	156.347.794.267	156.347.794.267	-	

(i) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn từ 6 tháng và hưởng mức lãi suất từ 5,3% đến 7,9%/năm.

(ii) Đây là các khoản ủy thác cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	1.826.893.952.505	1.223.696.625.485
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	209.836.034.793	88.333.399.058
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thiết bị Điện TTC	166.204.095.922	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	129.309.275.618	48.006.417.479
- Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.348.046.487	-
- Công ty TNHH Thiết bị Điện Quý Dân	86.724.462.530	95.321.690.364
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	76.003.768.972	49.378.466.578
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	68.178.399.743	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	984.289.868.440	942.656.652.006
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	33.777.491.140	-
TỔNG CỘNG	1.860.671.443.645	1.223.696.625.485
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(223.861.019.844)	(32.267.650.971)
Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng	75.339.914.100	-
- Công ty Điện lực Hưng Yên	11.493.682.200	-
- Công ty Điện lực Vĩnh Phúc	10.712.897.800	-
- Công ty Điện lực Thanh Hóa	7.479.065.000	-
- Công ty Điện lực Hà Nam	6.981.076.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	38.673.193.100	-
TỔNG CỘNG	75.339.914.100	-

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	-
RMM Metallhandel GMBH	7.473.234.592	6.871.886.896
Indee International Trading Co., Ltd	-	420.934.784
Upcast Oy Co.,Ltd	-	11.050.119.208
Các khoản trả trước khác	46.592.441.374	21.688.865.637
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	771.185.140	-
TỔNG CỘNG	63.610.678.720	40.031.806.525
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(16.247.061.206)	(4.810.320.827)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng Hà Nội (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	200.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 35)	100.000.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	104.200.000.000	6.000.000.000
Dự phòng cho vay ngắn hạn khó đòi	(2.000.000.000)	-

(*) Khoản cho vay này có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần (i)	947.258.640.000	-	213.286.200.000	-
Phải thu cổ tức	2.764.855.000	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	29.481.714.082	(1.430.246.060)	11.466.484.760	-
Phải thu tiền lãi từ hoạt động đầu tư	52.136.498.968	(67.500.000)	5.800.265.279	-
Ký quỹ, ký cược	37.256.604.996	-	5.877.244.574	-
Phải thu khác	55.629.208.539	(3.123.214.730)	8.175.139.752	-
TỔNG CỘNG	1.124.527.521.585	(4.620.960.790)	244.605.334.365	-

(i) Các khoản đặt cọc mua cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn bao gồm:

- Khoản đặt cọc với số tiền là 834 tỷ VND cho hai công ty để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực nước sạch, thông qua các hợp đồng đặt cọc ký với các công ty này trong năm 2017.
- Khoản đặt cọc với số tiền là 113 tỷ VND cho một số cá nhân để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện và hai công ty trong lĩnh vực năng lượng, thông qua các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân này ký trong năm 2017.

10. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.348.046.487	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	-	19.260.526.417	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	-	-	-
Công ty TNHH Vật liệu Điện Thiên Phong	14.105.503.040	-	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	-	-	-
RMM Metallhandel GmbH	7.473.234.592	-	6.871.886.896	2.061.566.069
Các khoản khác	117.260.641.911	42.252.167.764	13.932.375.344	925.250.790
TỔNG CỘNG	288.981.209.604	42.252.167.764	40.064.788.657	2.986.816.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	22.770.837.372	-	64.971.150.980	-
Nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế	663.998.822.591	(2.456.391.240)	473.637.539.103	-
Công cụ, dụng cụ	4.269.010.086	(650.000)	1.569.486.230	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241.124.488.671	(14.848.918)	287.851.646.496	-
Thành phẩm	932.874.212.579	(12.195.136.725)	773.459.768.508	(5.999.727.151)
Hàng hoá	3.296.838.753	(3.706.899)	3.830.685.536	-
Hàng gửi bán	1.198.866.633	-	-	-
TỔNG CỘNG	1.869.533.076.685	(14.670.733.782)	1.605.320.276.853	(5.999.727.151)

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay và trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 24.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	5.999.727.151	5.443.789.845
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	10.860.813.764	5.999.727.151
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.189.807.133)	(5.443.789.845)
Số cuối năm	14.670.733.782	5.999.727.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	653.947.152.368	996.651.547.345	124.326.137.078	70.916.590.283	1.845.841.427.074
- Mua trong năm	-	146.203.084.274	80.445.115.569	3.255.885.635	229.904.085.478
- Đầu tư XDCB hoàn thành	254.555.201.082	-	-	-	254.555.201.082
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.312.797.593.288	846.486.764.003	692.971.568.047	6.335.978.237	2.858.591.903.575
- Tăng/(giảm) do phân loại lại	124.944.777	475.055.223	(600.000.000)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(535.920.976)	(7.720.821.036)	(9.331.057.935)	(491.436.843)	(18.079.236.790)
- Phân loại sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 14)	(70.956.444.711)	(7.544.826.815)	-	(33.327.754.399)	(111.829.025.925)
- Giảm khác	-	-	(2.996.923)	(429.761)	(3.426.684)
Số dư cuối năm	2.149.932.525.828	1.974.550.802.994	887.808.765.836	46.688.833.152	5.058.980.927.810
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>152.435.136.005</i>	<i>374.140.246.248</i>	<i>246.316.334.566</i>	<i>11.845.485.787</i>	<i>784.737.202.606</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	274.294.721.823	566.835.760.864	66.705.819.600	18.993.132.199	926.829.434.486
- Khấu hao trong năm	65.005.248.470	123.271.860.574	65.755.602.182	7.226.542.732	261.259.253.958
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	271.966.364.128	260.865.673.664	481.285.107.842	5.549.201.295	1.019.666.346.929
- Tăng/(giảm) do phân loại lại	53.563.080	69.194.268	(122.757.348)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(535.920.976)	(7.383.730.964)	(8.984.603.943)	(491.436.843)	(17.395.692.726)
- Phân loại sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 14)	(3.892.744.418)	(1.103.340.795)	-	(7.293.661.875)	(12.289.747.088)
- Giảm khác	-	-	(1.907.980)	(360.275)	(2.268.255)
Số dư cuối năm	606.891.232.107	942.555.417.611	604.637.260.353	23.983.417.233	2.178.067.327.304
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	379.652.430.545	429.815.786.481	57.620.317.478	51.923.458.084	919.011.992.588
Số dư cuối năm	1.543.041.293.721	1.031.995.385.383	283.171.505.483	22.705.415.919	2.880.913.600.506

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay và trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	54.116.285.959	4.322.892.776	58.439.178.735
- Mua trong năm	-	3.415.902.192	3.415.902.192
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	117.086.250.360	5.314.311.255	122.400.561.615
- Thanh lý, nhượng bán	<u>(3.523.766.400)</u>	<u>(1.311.398.203)</u>	<u>(4.835.164.603)</u>
Số dư cuối năm	<u>167.678.769.919</u>	<u>11.741.708.020</u>	<u>179.420.477.939</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	<i>8.858.319.553</i>	<i>2.360.687.849</i>	<i>11.219.007.402</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	8.858.319.553	2.420.687.849	11.279.007.402
- Hao mòn trong năm	1.019.825.724	1.206.497.525	2.226.323.249
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	4.475.062.893	4.475.062.893
- Thanh lý, nhượng bán	-	<u>(1.311.398.203)</u>	<u>(1.311.398.203)</u>
Số dư cuối năm	<u>9.878.145.277</u>	<u>6.790.850.064</u>	<u>16.668.995.341</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>45.257.966.406</u>	<u>1.902.204.927</u>	<u>47.160.171.333</u>
Số dư cuối năm	<u>157.800.624.642</u>	<u>4.950.857.956</u>	<u>162.751.482.598</u>

Một số tài sản cố định vô hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại thuyết minh số 24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản khác (*)	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	86.633.065.746	48.691.588.800	135.324.654.546
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.374.201.599	-	2.374.201.599
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 12)	70.956.444.711	40.872.581.214	111.829.025.925
Số dư cuối năm	159.963.712.056	89.564.170.014	249.527.882.070
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	3.164.841.306	5.887.972.249	9.052.813.555
Khấu hao trong năm	1.849.652.618	5.031.027.382	6.880.680.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.374.201.599	-	2.374.201.599
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 12)	3.892.744.418	8.397.002.670	12.289.747.088
Số dư cuối năm	11.281.439.941	19.316.002.301	30.597.442.242
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	83.468.224.440	42.803.616.551	126.271.840.991
Số dư cuối năm	148.682.272.115	70.248.167.713	218.930.439.828

(*) Đây là cơ sở hạ tầng gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội (tính theo tỷ lệ phần diện tích cho thuê trên tổng diện tích thương mại), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 24.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương (*)	127.243.482.364	127.243.482.364
Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	110.341.688.319	10.428.649.025
Dự án xây dựng văn phòng khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.919.124.001	4.138.214.910
Dự án nhà máy cáp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung	3.802.882.215	87.341.965.142
Xây dựng cơ bản dở dang khác	19.649.132.444	4.274.430.854
TỔNG CỘNG	265.956.309.343	233.426.742.295

(*) Đây là tiền sử dụng đất cho diện tích 5.092 m² tại đường Kinh Dương Vương, phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh mà Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam, công ty con của Tổng Công ty, đã tạm nộp vào ngân sách Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	1.207.984.753.588	-	1.207.984.753.588	1.000.267.658.228	-	1.000.267.658.228
Đầu tư vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	95.417.309.831	(1.222.933.776)	94.194.376.055	3.495.681.301	(386.991.550)	3.108.689.751
Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (<i>Thuyết minh số 16.3</i>)	370.198.158.333	-	370.198.158.333	600.000.000	-	600.000.000
TỔNG CỘNG	1.673.600.221.752	(1.222.933.776)	1.672.377.287.976	1.004.363.339.529	(386.991.550)	1.003.976.347.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH SCI Nghệ An (i)	49,00	49,00	-	-
Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT (ii)	45,00	36,35	45,00	36,35
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (iii)	(*) 27,39	50,00	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (iv)	(*) 27,39	50,00	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (v)	(*) 19,85	24,89	-	-
Công ty TNHH SAS CTAMAD (vi)	(*) 23,14	35,00	23,14	35,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (Sowatco-Eco 747) (vii)	(*) 22,65	49,00	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1 (viii)	(*) 22,23	34,00	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2 (ix)	(*) 22,23	34,00	-	-
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (VICT) (x)	(*) 17,10	37,00	-	-
Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín (xi)	(*) 13,59	20,00	-	-
Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco – Sotrans (xii)	(*) 13,42	24,50	-	-
Công ty Cổ phần MHC (xiii)	(*) 12,60	23,00	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (Sowatcoser) (xiv)	(*) 12,10	26,27	-	-
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam (KIP) (xv)	-	-	49,24	49,24
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (xvi)	-	-	25,50	25,50
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (STG) (xvii)	-	-	24,93	24,93
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari (xviii)	-	-	34,27	34,27

(*) Đây là tỷ lệ lợi ích gián tiếp mà Tổng Công ty nắm giữ thông qua các công ty con (mà Tổng Công ty không sở hữu 100% vốn) và theo đó, khác biệt so với tỷ lệ biểu quyết trực tiếp tại các công ty liên kết này.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

- (i) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.
- (ii) Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1576/GPĐT do Trường Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện từ và cáp viễn thông. Theo Giấy phép đầu tư nói trên, tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT được tăng từ 36,35% lên 45% từ năm 2016 đến hết thời hạn giấy phép (năm 2026) mặc dù phần vốn góp của Tổng Công ty trong đơn vị liên kết này không đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

- (iii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0312576215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 16, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là kinh doanh dịch vụ bất động sản.
- (iv) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313877800 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Phòng 1606, lầu 16, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là kinh doanh bất động sản.
- (v) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.
- (vi) Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCNĐC3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.
- (vii) Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2900751997 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại số 161/1 Trường Chinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- (viii) Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari 1 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0400637065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đà Nẵng cấp ngày 17 tháng 6 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại 495B Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, tỉnh Đà Nẵng. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là buôn bán máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy.
- (ix) Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari 2 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0305798633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 6 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại 652/44 Cộng Hòa, phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là buôn bán máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

- (x) Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 là một công ty liên doanh được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các Giấy phép Đầu tư điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container.
- (xi) Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4000969881 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 16 tháng 1 năm 2014. Công ty này có trụ sở chính tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động chính đăng ký của công ty này là xây dựng dân dụng.
- (xii) Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco - Sotrans là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại số 55-57, Đường Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ.
- (xiii) Công ty Cổ phần MHC là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100793715 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 1998 và Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 1 tháng 4 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 7, tòa nhà An Hải Km 2, đường Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa.
- (xiv) Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303215396 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- (xv) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.
- (xvi) Đã thoái vốn trong năm 2017.
- (xvii) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.
- (xviii) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	Số đầu năm	Chuyển thành công ty con	Thanh lý trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	Cổ tức được chia trong năm	Đơn vị tính: VND
							Số cuối năm
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	-	-	-	369.231.459.053	7.005.268.058	-	376.236.727.111
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	279.388.313.061	-	-	-	32.338.459.243	(31.235.821.065)	280.490.951.239
Công ty TNHH SCI Nghệ An	-	-	-	156.065.000.000	-	-	156.065.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	-	-	-	155.560.992.000	-	-	155.560.992.000
Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT	108.275.111.882	-	-	-	12.324.984.426	(10.244.480.513)	110.355.615.795
Công ty Cổ phần MHC	-	-	-	103.209.172.207	(625.242.058)	-	102.583.930.149
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	-	-	-	9.981.382.983	(4.098.043)	-	9.977.284.940
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	-	-	-	9.956.735.704	(6.135.915)	-	9.950.599.789
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	-	-	-	3.167.377.306	(462.103)	-	3.166.915.203
Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín	-	-	-	1.463.335.348	7.723.460	-	1.471.058.808
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari 2	-	-	-	1.020.000.000	6.385.012	-	1.026.385.012
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari 1	-	-	-	1.020.000.000	79.293.542	-	1.099.293.542
Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco – Sotrans	-	-	-	303.875.163	(303.875.163)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chuyển thành công ty con	Thanh lý trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	Cổ tức được chia trong năm	Số cuối năm
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	554.292.836.363	(562.740.617.708)	-	-	8.447.781.345	-	-
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	49.506.970.116	(45.693.567.882)	-	-	677.287.766	(4.490.690.000)	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	7.818.599.076	-	(7.818.599.076)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari	985.827.730	(3.055.040.550)	-	-	2.069.212.820	-	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	-	(294.221.335.650)	-	288.504.800.000	5.716.535.650	-	-
TỔNG CỘNG	1.000.267.658.228	(905.710.561.790)	(7.818.599.076)	1.099.484.129.764	67.733.118.040	(45.970.991.578)	1.207.984.753.588

(*) Trong năm, Tổng Công ty có mua thêm một số công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 4. Theo đó, Tổng Công ty sở hữu gián tiếp các khoản đầu tư vào các công ty liên kết do các công ty con này nắm giữ.

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn khác

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (cổ phiếu)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào cổ phiếu								
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	2.340.000	89.728.310.880	(1.112.510.880)	88.615.800.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	50.541	2.178.670.000	-	2.178.670.000	50.541	2.178.670.000	(386.991.550)	1.791.678.450
Các cổ phiếu khác		3.510.328.951	(110.422.896)	3.399.906.055		1.317.011.301	-	1.317.011.301
TỔNG CỘNG		95.417.309.831	(1.222.933.776)	94.194.376.055		3.495.681.301	(386.991.550)	3.108.689.751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	14.058.158.333	14.058.158.333	600.000.000	600.000.000
Đầu tư trái phiếu (**)	356.140.000.000	356.140.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	370.198.158.333	370.198.158.333	600.000.000	600.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn trên 12 tháng, hưởng lãi suất từ 6,5% đến 6,7%/năm.

(**) Bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu của các công ty sau:

- 200 trái phiếu của Công ty Cổ phần Bất động sản Tây Hồ Tây, kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào ngày 6 tháng 1 năm 2019, lãi trái phiếu là 11%/năm, được thanh toán 6 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là 23.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương mà Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây nắm giữ.
- 155 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB. Bao gồm 100 trái phiếu nắm giữ bởi Thibidi, đáo hạn vào ngày 9 tháng 1 năm 2019, lãi trái phiếu là 10,5%/năm, 40 trái phiếu nắm giữ bởi VTX và 15 trái phiếu nắm giữ bởi Vihem có cùng ngày đáo hạn vào ngày 21 tháng 2 năm 2019, lãi trái phiếu là 9,5%. Lãi trái phiếu được thanh toán 6 tháng một lần, và không có tài sản đảm bảo.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	6.558.923.904	1.094.142.272
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.189.311.447	2.406.802.733
TỔNG CỘNG	15.748.235.351	3.500.945.005
Dài hạn		
Chi phí thuê đất trả trước (*)	358.228.266.514	139.326.117.592
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.209.411.176	12.743.034.340
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	6.637.856.557	8.926.571.530
Công cụ, dụng cụ	17.379.633.314	11.176.235.188
Chi phí nội thất và cải tạo văn phòng	5.086.514.073	8.466.491.146
Chi phí trả trước dài hạn khác	29.293.248.752	8.640.176.947
TỔNG CỘNG	428.834.930.386	189.278.626.743

(*) Một số quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Công ty Sotrans	Công ty Phú Thanh Mỹ	Công ty K.I.P Việt Nam	Công ty Thibidi	Công ty Vihem	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm (Trình bày lại)	-	-	-	32.629.220.995	-	32.629.220.995
Tăng trong năm (Thuyết minh số 4)	667.422.005.234	70.494.847.878	5.942.330.107	-	25.224.721.413	769.083.904.632
Số cuối năm	667.422.005.234	70.494.847.878	5.942.330.107	32.629.220.995	25.224.721.413	801.713.125.627
Phân bổ lũy kế:						
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Phân bổ trong năm	(50.056.650.393)	(5.874.570.657)	(346.635.923)	(3.262.922.100)	(1.261.236.070)	(60.802.015.143)
Số cuối năm	(50.056.650.393)	(5.874.570.657)	(346.635.923)	(3.262.922.100)	(1.261.236.070)	(60.802.015.143)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm (Trình bày lại)	-	-	-	32.629.220.995	-	32.629.220.995
Số cuối năm	617.365.354.841	64.620.277.221	5.595.694.184	29.366.298.895	23.963.485.343	740.911.110.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

19.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	793.121.227.710	793.121.227.710	556.069.733.586	556.069.733.586
- LS Nikko Cooper Inc	123.229.240.206	123.229.240.206	240.900.940.245	240.900.940.245
- Glencore International AG Co., Ltd	78.055.354.562	78.055.354.562	-	-
- Tổng Công ty Thủy lợi 4	39.050.152.061	39.050.152.061	-	-
- Công ty Cổ phần Ngô Han	35.420.000.000	35.420.000.000	-	-
- Phải trả đối tượng khác	517.366.480.881	517.366.480.881	315.168.793.341	315.168.793.341
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	57.295.942.988	57.295.942.988	62.028.156.183	62.028.156.183
TỔNG CỘNG	850.417.170.698	850.417.170.698	618.097.889.769	618.097.889.769

19.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển INDO Trần	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	20.410.219.655	1.340.000.000
Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	17.181.900.000	5.202.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	11.094.529.543	3.070.000.000
Ban Quản lý Dự án Các Công trình Điện Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia	-	8.820.677.122
Các đối tượng khác trả tiền trước	54.931.902.889	19.830.755.774
TỔNG CỘNG	183.618.552.087	38.263.732.896

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	10.880.125.261	523.239.087.402	(522.021.516.481)	12.097.696.182
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.320.131.626	346.887.119.179	(333.737.726.193)	54.469.524.612
Thuế thu nhập cá nhân	3.039.970.083	55.988.866.032	(54.172.939.992)	4.855.896.123
Thuế đất	1.337.018.090	10.418.704.806	(11.750.489.246)	5.233.650
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	985.042.991	31.926.892.130	(27.404.990.161)	5.506.944.960
TỔNG CỘNG	57.562.288.051	968.460.669.549	(949.087.662.073)	76.935.295.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Chi phí lãi vay	21.999.694.475	12.526.486.606
Chi phí khác	24.122.264.937	25.773.991.824
TỔNG CỘNG	<u>46.121.959.412</u>	<u>38.300.478.430</u>

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	3.371.224.080	8.964.986.290
Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện từ công ty liên kết (*)	36.050.598.364	-
Doanh thu khác	1.327.069.745	11.367.900.000
TỔNG CỘNG	<u>40.748.892.189</u>	<u>20.332.886.290</u>
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	45.835.022.150	46.945.637.558
TỔNG CỘNG	<u>45.835.022.150</u>	<u>46.945.637.558</u>

(*) Đây là phần lợi nhuận chưa thực hiện liên quan đến khoản nhận bồi thường di dời tài sản (ghi nhận trong năm 2016) với số tiền là 72 tỷ VND từ Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO, công ty liên kết của Tập đoàn theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	293.570.240.296	282.574.926.965
Phải trả liên quan đến dịch vụ xuất khẩu lao động	29.716.899.836	-
Nhận tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời (ii)	40.000.000.000	-
Nhận tạm ứng chuyển nhượng các khoản đầu tư (iii)	39.940.000.000	-
Nhận đặt cọc thực hiện dự án (iv)	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức phải trả	15.154.549.978	9.863.439.719
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	2.636.372.707	3.225.624.594
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	54.201.010.298	8.751.739.983
TỔNG CỘNG	495.219.073.115	324.415.731.261
Dài hạn		
Chứng quyền đặt mua (v)	90.000.000.000	90.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	29.050.625.007	9.062.274.095
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	580.551.000	-
TỔNG CỘNG	119.631.176.007	99.062.274.095
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	40.000.000.000	-
<i>Phải trả các bên khác</i>	574.850.249.122	423.478.005.356
(i) Đây chủ yếu là khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng và chịu lãi suất tối đa 9,6%/năm.		
(ii) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO, công ty liên kết của Tập đoàn theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất (ngoài các khu đất đã bàn giao như đề cập tại Thuyết minh số 22) tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.		
(iii) Là các khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư liên quan về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier và Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO, các công ty liên kết của Tập đoàn.		
(iv) Đây là khoản tiền đặt cọc của một công ty và một cá nhân để thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyên Hãn – Hà Nội.		
(v) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB") đã trả cho Tổng Công ty để mua chứng quyền (được tự do chuyển nhượng) theo các Hợp đồng số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 6 tháng 12 năm 2016 và số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty IB đã mua tổng cộng 1.800 chứng quyền với giá 50 triệu VND/chứng quyền. Mỗi chứng quyền tương ứng với quyền mua 50.000 cổ phần của Tổng Công ty, với giá 20.000 VND/cổ phần. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng và giá mua không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Thời gian thực hiện các chứng quyền này không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019. Việc phát hành các chứng quyền này được sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty, thông qua Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số đầu năm (Trình bày lại)		Tăng do hợp nhất kinh doanh	Phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay và nợ ngắn hạn								
Vay ngân hàng	24.1	1.966.640.639.904	1.966.640.639.904	62.995.746.421	7.838.313.804.366	(7.874.477.780.851)	1.993.472.409.840	1.993.472.409.840
Vay từ đối tượng khác	24.3	18.083.133.000	18.083.133.000	36.179.999.447	70.859.580.493	(64.921.603.287)	60.201.109.653	60.201.109.653
Trái phiếu ngắn hạn	24.4	-	-	-	299.165.833.333	-	299.165.833.333	299.165.833.333
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	24.4	360.000.000.000	360.000.000.000	-	360.000.000.000	(360.000.000.000)	360.000.000.000	360.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	24.2	14.192.689.000	14.192.689.000	26.956.571.389	33.478.636.726	(41.149.260.389)	33.478.636.726	33.478.636.726
TỔNG CỘNG		2.358.916.461.904	2.358.916.461.904	126.132.317.257	8.601.817.854.918	(8.340.548.644.527)	2.746.317.989.552	2.746.317.989.552
Vay và nợ dài hạn								
Vay ngân hàng	24.2	96.754.591.005	96.754.591.005	1.039.201.756.613	17.636.903.920	(*) (41.638.691.726)	1.111.954.559.812	1.111.954.559.812
Trái phiếu	24.4	1.433.713.636.364	1.433.713.636.364	596.335.555.561	5.178.682.281	(*) (613.313.636.364)	1.421.914.237.842	1.421.914.237.842
TỔNG CỘNG		1.530.468.227.369	1.530.468.227.369	1.635.537.312.174	22.815.586.201	(654.952.328.090)	2.533.868.797.654	2.533.868.797.654

(*) Trong năm 2017, Tập đoàn đã thanh toán trước hạn một phần vay dài hạn ngân hàng và trái phiếu dài hạn với tổng số tiền là 261,5 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	478.338.236.750	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 6 năm 2018	5,2% - 5,5%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa – Đồng Nai	336.165.814.061	Kỳ hạn vay từ 4 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 6 năm 2018	5,0% - 5,2%	Hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	248.810.003.213	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 15 tháng 6 năm 2018	5,2% - 7,0%	Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	157.044.655.130	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 8 tháng 2 năm 2018	4,8%	Hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	152.897.565.671	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 3 năm 2018	4,8%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	119.963.342.664	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 5 tháng 3 năm 2018	4,8%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	69.246.834.722	Kỳ hạn thấu chi dưới 1 năm. Lãi vay trả hàng tháng. Khoản thấu chi cuối cùng thanh toán ngày 25 tháng 8 năm 2018	6,78%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng trị giá 75 tỷ đồng của Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	67.278.668.766	Kỳ hạn vay từ 4 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 5 năm 2018	5,0% - 5,2%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long	46.119.750.218	Kỳ hạn vay 5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 15 tháng 8 năm 2018	5% - 7%	Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	43.310.132.310	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 2 tháng 3 năm 2018	5,6%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	40.986.250.796	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 5 năm 2018	5,2% - 5,5%	Tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Sở giao dịch số 2	40.884.332.716	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 22 tháng 3 năm 2018	5,5%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	36.660.179.375	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 3 năm 2018	5,2% - 5,4%	Tin chấp
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	31.912.540.498	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 5 năm 2018	5,1% - 5,25%	Tin chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	31.388.694.565	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 3 năm 2018	4,9%	Tin chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	28.461.054.181	Kỳ hạn vay 9 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 3 năm 2018	5,5% - 7,0%	Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	22.788.998.368	Kỳ hạn vay 2 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 1 năm 2018	5,0%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch I	20.182.386.739	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 3 năm 2018	5,9%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đại La	10.000.000.000	Kỳ hạn vay thấu chi tối đa 12 tháng. Lãi thấu chi trả hàng tháng. Khoản thấu chi cuối cùng thanh toán ngày 2 tháng 1 năm 2018	6,2%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng trị giá 10 tỷ đồng của Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	6.270.069.097	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 4 năm 2018	6,8%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 3 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đà Nẵng	4.571.000.000	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 20 tháng 2 năm 2018	5,47%	Phương tiện vận tải của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	191.900.000	Kỳ hạn vay là 1 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 1 năm 2018	6,5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	1.993.472.409.840			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	380.996.616.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng	6,9%	Các tài sản của công trình Thủy điện Sông Bung 4A của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ
	470.468.207.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng	8,55% - 11%	Các tài sản của công trình Thủy điện Sông Bung 4A của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	132.150.000.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 25 tháng 7 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng	9,8% - 10,5%	Tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, quyền sử dụng mặt nước quyền khai thác tài nguyên thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.3 Các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	33.787.499.059	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 15 tháng 3 năm 2018	11,7%	2.000.000 cổ phiếu CAV thuộc sở hữu của Tổng Công ty được ký quỹ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	13.900.527.594	Kỳ hạn vay từ 3 đến 12 tháng. Lãi trả cùng với gốc vay khi đáo hạn.	4% - 7,5%	Tín chấp
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	10.920.533.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tín chấp
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.592.550.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5% - 6%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	60.201.109.653			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.4 Trái phiếu phát hành

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
Ngắn hạn						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (*)	300.000.000.000	10,5%	Đáo hạn vào tháng 11 năm 2018	-		
Chi phí phát hành trái phiếu	(834.166.667)					
TỔNG CỘNG	299.165.833.333					
Dài hạn						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (**)	1.440.000.000.000	9,3%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2019	1.800.000.000.000	8,5%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2019
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (***)	350.000.000.000	10,15% - 10,3%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2021	-		
Chi phí phát hành trái phiếu	(8.085.762.158)			(6.286.363.636)		
TỔNG CỘNG	1.781.914.237.842			1.793.713.636.364		
<i>Trong đó:</i>						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	360.000.000.000			360.000.000.000		
Trái phiếu dài hạn	1.421.914.237.842			1.433.713.636.364		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(*) Gồm 2 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 29112017/HĐĐMTP/GELEX-MIC giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội ký ngày 29 tháng 11 năm 2017, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 155 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 155 tỷ đồng.
- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20171130/HĐĐMTP/GELEX-MBCAPITAL giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ký ngày 30 tháng 11 năm 2017, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 145 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 145 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm: 9.000.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam mà Tổng Công ty nắm giữ và các lợi ích liên quan trực tiếp đến 9.000.000 cổ phiếu này.

(**) Gồm 2 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐĐM/TPBANK-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong ký ngày 12 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 800 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 800 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành;
 - ▶ 10.946.969 cổ phần trong Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Thibidi"), 24.242.245 cổ phần trong Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM") thuộc sở hữu của Tổng Công ty và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.
- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐĐM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình ký ngày 6 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.000 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ 29.000.000 cổ phần phổ thông trong Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam của Tổng Công ty;
- ▶ Toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(***) Gồm 3 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2015/DM/VIETINBANK.HCM-SOTRANS giữa Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans") và Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Hồ Chí Minh ký ngày 23 tháng 12 năm 2015 với kỳ hạn 6 năm, theo đó, Công ty Sotrans đã phát hành 400 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 400 tỷ đồng. Trong năm, Công ty Sotrans đã mua lại 250 trái phiếu với tổng mệnh giá là 250 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm: 36.905.000 cổ phiếu trong Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Sowatco"), công ty con của Tập đoàn, của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans").

- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 328/HĐ/STG-VFC giữa Công ty Sotrans và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ký ngày 19 tháng 4 năm 2016 với kỳ hạn 3 năm, theo đó, Công ty Sotrans đã phát hành 130 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 130 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ 7.218.806 cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức ("VTX"), công ty con của Tập đoàn, do Công ty Sotrans sở hữu;
- ▶ 98.374 cổ phiếu của Công ty VTX, công ty con của Tập đoàn, do Công ty Cổ phần SCI sở hữu; và
- ▶ 3.279.317 cổ phiếu trong Công ty Sowatco, công ty con của Tập đoàn, do Công ty Hạ tầng Sotrans sở hữu.

- (iii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20160622/HĐ/STG-VTBC giữa Sotrans và Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ký ngày 22 tháng 6 năm 2016 với kỳ hạn 3 năm, theo đó, Công ty đã phát hành 70 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 70 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ 4.500.000 cổ phiếu trong Công ty VTX, công ty con của Tập đoàn, do Công ty Sotrans sở hữu;
- ▶ 5.000.000 cổ phiếu trong Công ty Sowatco, công ty con của Tập đoàn, do Công ty Hạ tầng Sotrans sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành (*)	93.075.835.810	154.974.905.223
Dự phòng phải trả khác	56.517.330	-
TỔNG CỘNG	93.132.353.140	154.974.905.223
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	15.231.288.773	8.900.936.787
Dự phòng chi phí bảo hành (*)	45.905.538.424	48.436.193.246
TỔNG CỘNG	61.136.827.197	57.337.130.033

(*) Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Tập đoàn sản xuất và bán ra trong các năm trước theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 1 đến 6 năm).

26. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	44.806.553.385	27.900.672.783
Tăng do hợp nhất kinh doanh	9.678.722.206	3.366.758.295
Trích lập trong năm	114.552.258.400	65.266.571.506
Sử dụng trong năm	(99.747.083.044)	(51.727.449.199)
Số cuối năm	69.290.450.947	44.806.553.385

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Trình bày lại)	Tổng cộng (Trình bày lại)
Năm trước									
Số dư đầu năm	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574
- Lợi nhuận thuần trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	-	533.670.255.704	117.760.568.615	651.430.824.319
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	94.344.781.743	(94.344.781.743)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(48.503.385.539)	(16.763.185.967)	(65.266.571.506)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(154.500.000.000)	(39.752.277.631)	(194.252.277.631)
- Công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu (Trình bày lại)	-	-	30.338.249.407	(1.115.259)	-	2.245.407	(30.049.628.396)	(289.751.159)	-
- Mua công ty con trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	-	-	335.737.433.128	335.737.433.128
- Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(9.117.465.668)	(55.743.868.984)	(64.660.541.438)	(129.521.876.090)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	-	(145.542.826.777)	(72.772.378.223)	(218.315.205.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(771.941)	-	(210.355.232)	(239.711.712)	(450.838.885)
Số dư cuối năm (Trình bày lại)	<u>1.550.000.000.000</u>	<u>66.378.000.000</u>	<u>77.388.963.577</u>	<u>(5.026.115.259)</u>	<u>83.604.392</u>	<u>208.668.128.206</u>	<u>749.075.810.262</u>	<u>714.353.087.731</u>	<u>3.360.921.478.909</u>

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
									Tổng cộng
Năm nay									
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	1.550.000.000.000	66.378.000.000	77.388.963.577	(5.026.115.259)	83.604.392	208.668.128.206	749.075.810.262	714.353.087.731	3.360.921.478.909
- Tăng vốn (*)	770.000.000.000	615.729.724.760	-	-	-	-	-	152.624.548.268	1.538.354.273.028
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	786.170.487.255	528.416.370.628	1.314.586.857.883
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-	-	(232.000.000.000)	(268.803.927.500)	(500.803.927.500)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	8.105.247.051	(8.105.247.051)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	-	(87.156.162.437)	(27.396.095.963)	(114.552.258.400)
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (***)	348.000.000.000	(66.378.000.000)	-	-	-(139.656.441.276)	(141.965.558.724)	-	-	-
- Thủ lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	(399.191.636)	(479.808.364)	(879.000.000)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(130.418.383.586)	(271.923.108.553)	(402.341.492.139)
- Mua công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.089.233.037.218	1.089.233.037.218
- Bán cổ phiếu quỹ	-	6.608.000.000	-	5.025.000.000	-	-	-	-	11.633.000.000
- Tặng/(giảm) khác	-	-	-	1.115.259	(34.738.264)	(93.691.736)	(338.213.383)	(213.397.172)	(678.925.296)
Số dư cuối năm	2.668.000.000.000	622.337.724.760	77.388.963.577	-	48.866.128	77.023.242.245	934.863.540.700	1.915.810.706.293	6.295.473.043.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Dựa trên chủ trương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016, Tổng Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06/2017/GELEX/NQ-HĐQT vào ngày 23 tháng 1 năm 2017 phê duyệt kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, số cổ phiếu này được góp đủ trong năm 2017 và chính thức lưu hành từ ngày 23 tháng 1 năm 2017.
- (**) Theo chủ trương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tổng Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của các công ty con, Tập đoàn đã trích lập bổ sung quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền trong năm.
- (***) Theo nội dung được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 26/2017/GELEX/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2017, vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã phát hành 34.800.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, bao gồm nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và qua đó, tăng vốn điều lệ lên 2.668 tỷ VND.

27.2 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015: 1.000 VND/cổ phiếu	-	154.500.000.000
Cổ tức cho năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	232.000.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	-

27.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	266.800.000	2.668.000.000.000	155.000.000	1.550.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	266.800.000	2.668.000.000.000	155.000.000	1.550.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	266.800.000	2.668.000.000.000	155.000.000	1.550.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	500.000	5.025.000.000
Cổ phiếu phổ thông	-	-	500.000	5.025.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	266.800.000	2.668.000.000.000	154.500.000	1.544.975.000.000
Cổ phiếu phổ thông	266.800.000	2.668.000.000.000	154.500.000	1.544.975.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	12.094.756.795.679	7.409.353.474.617
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	10.529.742.641.281	7.245.516.959.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	1.091.292.217.322	-
Doanh thu bán điện	213.287.394.083	-
Doanh thu khác	260.434.542.993	163.836.515.617
Các khoản giảm trừ doanh thu	(110.615.725.882)	(112.240.139.749)
Chiết khấu thương mại	(102.079.436.987)	(97.481.015.224)
Hàng bán bị trả lại	(8.536.288.895)	(14.759.124.525)
Doanh thu thuần	11.984.141.069.797	7.297.113.334.868
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	11.909.924.315.286	7.296.626.243.999
Doanh thu đối với bên liên quan	74.216.754.511	487.090.869

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	187.702.172.461	32.574.930.824
Lãi kinh doanh chứng khoán	31.391.912.082	8.641.993.395
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư (*)	528.320.908.637	41.554.108.299
Cổ tức, lợi nhuận được chia	63.984.043.417	160.366.291.035
Lãi từ việc đánh giá lại khoản đầu tư trước đây khi mua công ty con	31.146.949.743	50.130.147.810
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.905.830.738	4.357.590.521
TỔNG CỘNG	847.451.817.078	297.625.061.884

(*) Chủ yếu bao gồm lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư khác trong năm 2017 của Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam, công ty con của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	8.843.339.920.159	6.214.392.608.915
Giá vốn dịch vụ vận tải và kho vận cung cấp	888.260.892.569	-
Giá vốn hoạt động kinh doanh điện	78.536.335.891	-
Giá vốn khác	187.680.402.948	114.473.584.892
TỔNG CỘNG	9.997.817.551.567	6.328.866.193.807

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lãi tiền vay, trái phiếu	367.135.076.972	44.207.196.872
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	27.813.125.690	(765.375.190)
Lãi kỳ quỹ	24.356.297.075	23.519.624.160
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.840.454.163	6.708.055.729
Chi phí phát hành trái phiếu	5.254.515.614	-
Chi phí tài chính khác	4.865.460.882	1.365.615.716
TỔNG CỘNG	435.264.930.396	75.035.117.287

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.056.365.549	4.522.713.957
- Chi phí nhân công	103.879.703.469	18.180.505.758
- Chi phí khấu hao	3.454.850.047	4.085.810.363
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.145.243.689	60.625.721.300
- Chi phí bán hàng khác	57.775.857.026	61.246.537.205
TỔNG CỘNG	261.312.019.780	148.661.288.583
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.532.393.315	12.302.940.124
- Chi phí nhân công	232.795.931.692	109.657.440.454
- Chi phí khấu hao	21.193.849.691	8.857.627.272
- Tiền thuê đất và thuế, lệ phí khác	16.022.051.923	6.929.077.766
- Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	19.682.380.882	(7.752.172.517)
- Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 18)	60.802.015.143	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.126.608.802	33.071.439.384
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	117.635.432.269	68.707.420.765
TỔNG CỘNG	540.790.663.717	231.773.773.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	48.225.613.845	8.239.472.445
Nhận tiền đền bù hỗ trợ di dời	19.725.947.625	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	16.045.809.663	91.872.378
Chênh lệch kiểm kê thừa	234.536.183	4.265.576.715
Khác	12.219.320.374	3.882.023.352
Chi phí khác	8.151.407.203	29.009.873.831
Các khoản phạt	3.718.794.388	22.950.168.119
Khác	4.432.612.815	6.059.705.712
LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẬN KHÁC	40.074.206.642	(20.770.401.386)

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	8.531.946.072.422	6.286.938.083.020
Chi phí nhân công	746.555.288.968	361.523.475.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	269.061.944.207	104.190.343.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	837.679.517.556	124.825.093.309
Chi phí khác	521.154.439.665	183.832.605.634
TỔNG CỘNG	10.906.397.262.818	7.061.309.600.957

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Ngoại trừ trường hợp của công ty con là Công ty Phú Thạnh Mỹ, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Tổng Công ty và các công ty con khác là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 06/CN-UBND do UBND Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010, Công ty Phú Thạnh Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty Phú Thạnh Mỹ là 5% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	344.630.758.045	119.789.766.028
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	2.256.361.134	-
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(3.229.922.543)	357.066.668
TỔNG CỘNG	343.657.196.636	120.146.832.696

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.658.244.054.519	771.577.657.015
Thuế TNDN của Tập đoàn theo thuế suất phổ thông	323.550.269.081	125.003.835.363
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại về chuyển lỗ tính thuế chưa ghi nhận	20.040.208.788	-
Chi phí không được khấu trừ khác	8.718.314.156	5.485.314.495
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	7.311.738.826	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước theo quyết định thanh tra thuế	2.256.361.134	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(482.094.658)	(316.287.600)
Lãi từ việc đánh giá lại khoản đầu tư trước đây khi mua công ty con	(6.229.389.949)	(10.026.029.562)
Lỗ năm trước chuyển sang	(11.508.210.742)	-
Chi phí thuế TNDN	343.657.196.636	120.146.832.696

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện trong công ty liên kết	7.210.119.673	-	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.706.058.644	1.780.187.357	(253.856.093)	-
Chi phí trích trước	1.455.699.641	2.427.653.299	(2.284.651.555)	(357.066.668)
Khác	220.840.199	1.468.968.278	(80.649.365)	-
	11.592.718.157	5.676.808.934		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	(47.273.447.574)	(13.880.752.012)	5.849.079.556	-
Khác	(86.505.123)	-	-	-
	(47.359.952.697)	(13.880.752.012)		
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			3.229.922.543	(357.066.668)

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty và các công ty con có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 191.149.746.486 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
2012 (*)	2017	4.605.290.531	(4.605.290.531)	-	-
2013 (*)	2018	2.180.873.158	(2.180.873.158)	-	-
2014 (**)	2019	129.938.019.826	(81.584.583.887)	-	48.353.435.939
2015 (**)	2020	72.625.160.333	(30.029.893.722)	-	42.595.266.611
2017 (**)	2022	100.201.043.936	-	-	100.201.043.936
TỔNG CỘNG		309.550.387.784	(118.400.641.298)	-	191.149.746.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán với cơ quan thuế địa phương.

(**) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Tổng Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	588.079.657.314	544.438.093.123
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.244.480.513	24.378.127.500
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	495.709.050	487.090.869
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.250.000.000	61.600.000.000
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.409.814.187	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Cho vay	100.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa	17.332.761.908	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (*)	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình (kể từ ngày 5/7/2017)	Tắt toán trái phiếu	200.000.000.000	-
		Lãi trái phiếu đã nhận	35.705.555.623	-

(*) Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 – Thông tin về các bên liên quan, Tập đoàn và Công ty Cổ phần Chứng khoán IB phát sinh mối quan hệ là bên liên quan kể từ ngày 5 tháng 7 năm 2017, khi bà Nguyễn Thị Tuyết, thành viên gia đình của ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Tập đoàn, được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB.

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay chịu lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Năm nay, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 6.1)					
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình (kể từ ngày 5/7/2017)	Trái phiếu	139.524.375.000		-
			139.524.375.000		-
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 7.1)					
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.463.918.325		-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.505.794.146		-
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.531.486.329		-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.759.234.301		-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng Hợp Miền Nam	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	538.690.140		-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.978.367.899		-
			33.777.491.140		-
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)					
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Cho vay ngắn hạn	100.000.000.000		
Công ty Cổ phần chế tạo điện máy Việt Nam - Hungari	Công ty con (từ tháng 7 năm 2017)	Cho vay ngắn hạn		-	2.000.000.000
			100.000.000.000		2.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)

Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	100.000.000.000	3 tháng	10,5%/năm	Tín chấp

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
---------------	-------------	--------------------	-------------	------------

Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)

Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín	Công ty liên kết	Ứng trước chi phí xây dựng	771.185.140	-
			771.185.140	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (Thuyết minh số 16.3)

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình (kể từ ngày 5/7/2017)	Trái phiếu	156.140.000.000	-
			156.140.000.000	-

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 19.1)

Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	57.295.942.988	62.028.156.183
			57.295.942.988	62.028.156.183

Phải trả khác (Thuyết minh số 23)

Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên kết	Nhận ứng trước tiền hỗ trợ di dời	40.000.000.000	-
			40.000.000.000	-

Các giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	9.969.021.618	9.689.278.415
TỔNG CỘNG	9.969.021.618	9.689.278.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	786.170.487.255	533.670.255.704
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(87.156.162.437)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	786.170.487.255	446.514.093.267
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	261.957.967	189.300.000
Ảnh hưởng suy giảm (***)	90.000.000	90.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	351.957.967	279.300.000
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	3.001	2.359
- <i>Lãi suy giảm</i>	2.234	1.599

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Tổng Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

(**) Bao gồm 34.800.000 cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được công bố phát hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 26/2017/GELEX/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2017 (xem thêm tại Thuyết minh số 27.1).

(***) Đây là số cổ phiếu sẽ phát hành trong tương lai theo các hợp đồng chứng quyền đặt mua như trình bày tại Thuyết minh số 23.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện;
- ▶ Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận;
- ▶ Kinh doanh điện; và
- ▶ Các lĩnh vực kinh doanh khác.

Tập đoàn không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong năm 2016, hơn 90% hoạt động của Tập đoàn là hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện; do đó, Tập đoàn không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện</i>	<i>Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận</i>	<i>Kinh doanh điện</i>	<i>Khác</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày						
Doanh thu	10.419.126.915.399	1.091.292.217.322	213.287.394.083	260.434.542.993	-	11.984.141.069.797
Giá vốn	(8.843.339.920.159)	(888.260.892.569)	(78.536.335.891)	(187.680.402.948)	-	(9.997.817.551.567)
Kết quả						
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận</i>	<i>1.575.786.995.240</i>	<i>203.031.324.753</i>	<i>134.751.058.192</i>	<i>72.754.140.045</i>	-	<i>1.986.323.518.230</i>
<i>Thu nhập/chi phí không phân bổ (*)</i>	-	-	-	-	-	<i>(328.079.463.711)</i>
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	-	-	-	-	-	<i>1.658.244.054.519</i>
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	-	-	-	<i>(343.657.196.636)</i>
						<u>1.314.586.857.883</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế						
Tài sản và công nợ						
<i>Tài sản bộ phận</i>	<i>4.216.112.272.745</i>	<i>906.944.904.932</i>	<i>1.435.841.369.359</i>	<i>255.743.796.730</i>	-	<i>6.814.642.343.766</i>
<i>Tài sản không phân bổ (*)</i>	-	-	-	-	-	<i>7.095.032.908.667</i>
						<u>13.909.675.252.433</u>
Tổng tài sản						
<i>Công nợ bộ phận</i>	<i>3.793.987.684.120</i>	<i>361.836.424.879</i>	<i>1.059.225.460.971</i>	<i>65.235.152.331</i>	-	<i>5.280.284.722.301</i>
<i>Công nợ không phân bổ (*)</i>	-	-	-	-	-	<i>2.323.702.791.756</i>
						<u>7.603.987.514.057</u>
Tổng công nợ						
Các thông tin bộ phận khác						
Chi phí hình thành tài sản cố định (**)	292.657.356.585	212.268.981.740	15.133.383.708	345.033.767	-	520.404.755.800
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>289.745.154.393</i>	<i>211.765.281.740</i>	<i>15.133.383.708</i>	<i>345.033.767</i>	-	<i>516.988.853.608</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>2.912.202.192</i>	<i>503.700.000</i>	-	-	-	<i>3.415.902.192</i>
<i>Khấu hao</i>	<i>126.846.907.489</i>	<i>70.507.132.989</i>	<i>51.595.429.882</i>	<i>19.190.463.598</i>	-	<i>268.139.933.958</i>
<i>Hao mòn</i>	<i>2.014.538.921</i>	<i>211.784.328</i>	-	-	-	<i>2.226.323.249</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản dài hạn khác.

Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản trái phiếu phát hành và một số khoản phải trả khác.

(**) Bao gồm cả giá trị xây dựng cơ bản dở dang chưa kết chuyển sang tài sản cố định.

38. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê cơ sở hạ tầng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	37.505.032.544	1.629.968.344
Trên 1 – 5 năm	133.581.351.995	7.222.056.930
Trên 5 năm	157.820.377.662	49.073.683.353
TỔNG CỘNG	328.906.762.201	57.925.708.627

Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng và kho bãi theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	72.529.223.139	27.244.235.607
Trên 1 – 5 năm	71.636.840.670	60.652.301.927
Trên 5 năm	99.937.092.037	80.312.420.916
TỔNG CỘNG	244.103.155.846	168.208.958.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của các báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)</i>
		<i>Điều chỉnh</i>	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Chứng khoán kinh doanh	(i)	-	197.046.708.523
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	353.394.502.790	(197.046.708.523) 156.347.794.267
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(viii)	1.235.953.581.919	(12.256.956.434) 1.223.696.625.485
Phải thu ngắn hạn khác		244.595.334.365	10.000.000 244.605.334.365
Hàng tồn kho	(ii)	1.546.458.431.143	58.861.845.710 1.605.320.276.853
Phải thu dài hạn khác		441.000.000	(10.000.000) 431.000.000
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	(iii), (vi)	1.911.762.321.559	(65.920.894.485) 1.845.841.427.074
Giá trị khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình	(iii)	(935.882.248.041)	9.052.813.555 (926.829.434.486)
Nguyên giá bất động sản đầu tư	(iii)	-	135.324.654.546 135.324.654.546
Giá trị khấu hao lũy kế bất động sản đầu tư	(iii)	-	(9.052.813.555) (9.052.813.555)
Lợi thế thương mại	(vi)	-	32.629.220.995 32.629.220.995
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.337.025.329	(660.216.395) 5.676.808.934
Phải trả người bán ngắn hạn	(ii)	559.236.044.059	58.861.845.710 618.097.889.769
Chi phí phải trả ngắn hạn	(viii)	49.531.866.288	(11.231.387.858) 38.300.478.430
Phải trả ngắn hạn khác		321.691.299.837	2.724.431.424 324.415.731.261
Vay ngắn hạn	(iv)	1.998.916.461.904	360.000.000.000 2.358.916.461.904
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(v)	171.927.161.506	(16.952.256.283) 154.974.905.223
Phải trả dài hạn khác		102.812.274.095	(3.750.000.000) 99.062.274.095
Vay dài hạn	(iv)	1.890.468.227.369	(360.000.000.000) 1.530.468.227.369
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(vi)	660.216.395	13.220.535.617 13.880.752.012
Dự phòng phải trả dài hạn	(v)	40.384.873.750	16.952.256.283 57.337.130.033
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(vi)	677.140.203.246	71.935.607.016 749.075.810.262
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(vi)	698.136.465.704	16.216.622.027 714.353.087.731
		<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)</i>
		<i>Điều chỉnh</i>	
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT			
Doanh thu hoạt động tài chính	(vi)	247.494.914.074	50.130.147.810 297.625.061.884
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(vi)	253.579.232.454	(21.805.459.206) 231.773.773.248

Ngoài ra, Công ty cũng trình bày lại các khoản mục Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 36.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

		<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>		<i>Đơn vị tính: VND</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)</i>	
				<i>Điều chỉnh</i>		
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT						
Tổng lợi nhuận trước thuế	(vi)	699.642.049.999	71.935.607.016		771.577.657.015	
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	(vi)	125.995.802.391	(21.805.459.206)		104.190.343.185	
Lãi từ hoạt động đầu tư	(vi)	(216.397.198.026)	(50.130.147.810)		(266.527.345.836)	
Giảm các khoản phải trả	(vii)	(535.639.237.202)	41.523.384.961		(494.115.852.241)	
Tăng chứng khoán kinh doanh	(i)	-	(197.046.708.523)		(197.046.708.523)	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(i)	(681.574.588.946)	508.274.115.123		(173.300.473.823)	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	(i)	886.789.206.156	(311.227.406.600)		575.561.799.556	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(vii)	(153.614.446.335)	(41.523.384.961)		(195.137.831.296)	

- (i) Phân loại lại các khoản trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh ngắn hạn theo chủ trương đầu tư của Tổng Công ty.
- (ii) Điều chỉnh hồi tố tăng khoản mục hàng tồn kho và khoản mục phải trả người bán ngắn hạn của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 58.861.845.710 VND để phản ánh nghiệp vụ hàng mua đang đi đường tại ngày này.
- (iii) Phân loại lại tài sản cố định của Tòa nhà Gelex Tower tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của Tổng Công ty sang bất động sản đầu tư theo tỷ lệ diện tích cho bên ngoài thuê và sử dụng nội bộ.
- (iv) Phân loại lại khoản trái phiếu phát hành đến hạn trả trong năm 2017.
- (v) Phân loại lại dự phòng phải trả ngắn hạn của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sang dự phòng phải trả dài hạn theo chính sách bảo hành của các hợp đồng liên quan.
- (vi) Trong năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn thành việc đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Thibidi tại ngày mua. Xem thêm tại Thuyết minh số 4.
- (vii) Điều chỉnh lại phần cổ tức đã trả cho các cổ đông thiểu số.
- (viii) Trình bày lại chiết khấu thương mại chưa quyết toán với khách hàng của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Quyết định số 498/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu của Tổng Công ty trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày 18 tháng 1 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2018, Tập đoàn đã hoàn tất các giao dịch để tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà lên 47,1%.

Theo Quyết định số 08/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty đã thông qua phương án thoái vốn khỏi Công ty K.I.P Việt Nam, công ty con của Tổng Công ty.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

